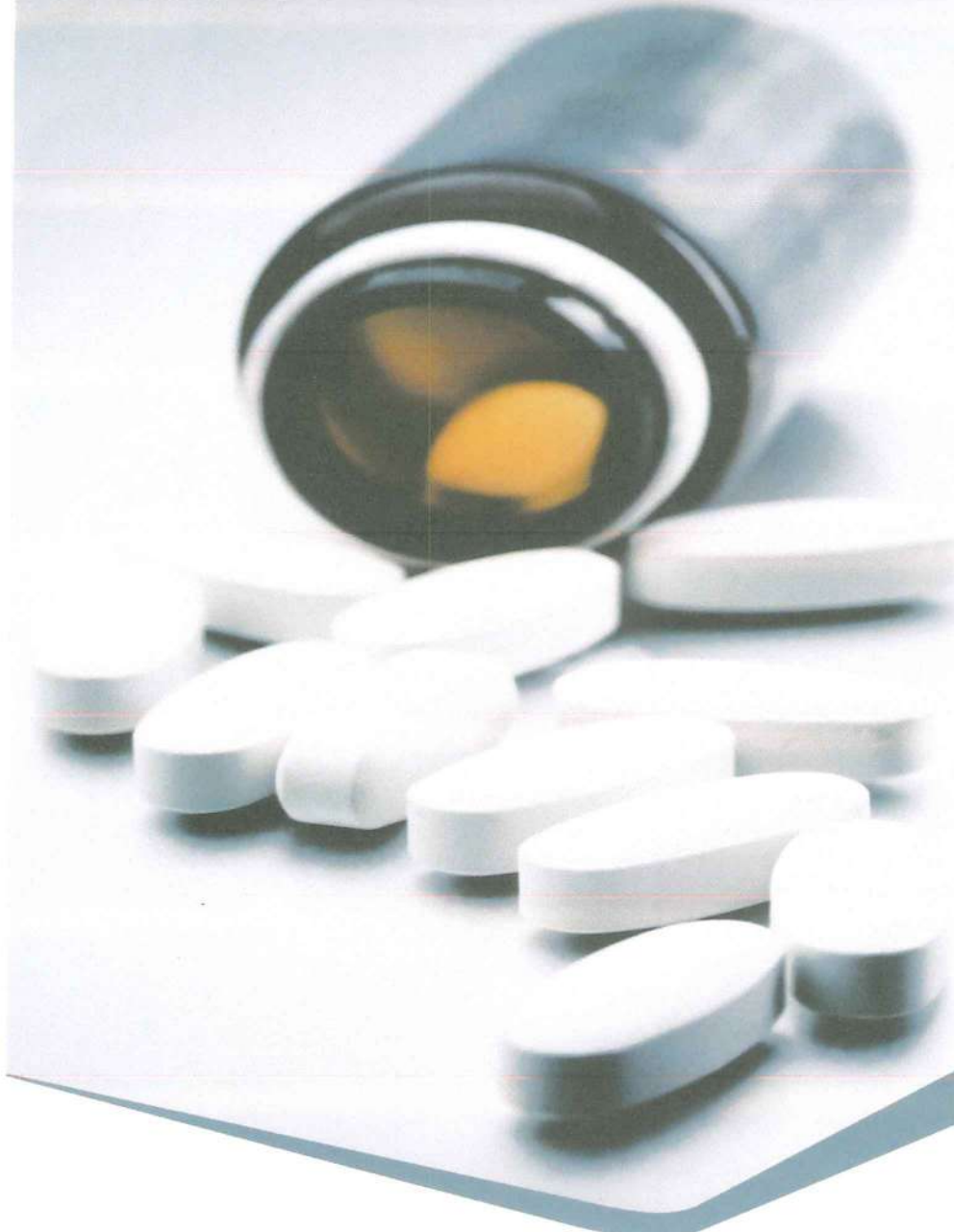




Bay cao cùng năm tháng



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	2
TỔNG QUAN CÔNG TY	6
THÔNG TIN CHUNG	7
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	111
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	16
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	177
CÁC RỦI RO.....	19
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	23
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO	24
NGUỒN NHÂN LỰC	32
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	33
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	36
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	37
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	37
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	37
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ	38
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	40
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.....	43
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	43
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	49
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	50
BAN KIỂM SOÁT	53
LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH.....	55
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	55
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	57
THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	58
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	59
TIÊU THỤ NƯỚC	60
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG	61
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.....	66
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN.....	Từ 67 đến 99

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư!

Năm 2024 nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ucraina, xung đột kinh tế giữa Nga với Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ giữa các nước Trung Đông, Biển Đò... gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến nhiều nguyên phụ liệu cho sản xuất tăng giá và khan hiếm, nhiều doanh nghiệp bị thu hẹp sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất và phá sản. Lạm phát, giá cả tăng cao. Thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp, khó khăn trong lưu thông hàng hóa quốc tế; chi phí lưu kho, vận chuyển tăng cao... đã làm cho nền kinh tế thế giới lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

Ngành Dược cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Ngoài các khó khăn chung, Công ty chúng ta còn gặp khó khăn liên quan đến thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với hàng trăm năm kinh nghiệm đầu tư vào Việt Nam và các doanh nghiệp trong nước ô ạt đầu tư mở rộng SX – KD, đồng thời các vấn đề về chính sách của Ngành Dược như : Chuẩn sản xuất, chuẩn quản lý... cũng có nhiều thay đổi.

Công ty hiện nay có 6 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – WHO và 1 dây chuyền đạt chuẩn GMP EU với nhiều dạng bào chế sản phẩm, tạo nhiều việc làm cho người lao động cũng như tạo lợi nhuận cho công ty.

Để đáp ứng yêu cầu Ngành Dược Việt Nam và phát triển doanh nghiệp, Công ty phải chủ động tái đầu tư và đầu tư mới cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, với công nghệ SX tiên tiến nhất. Vốn hóa của công ty hiện nay khoảng 1.000 tỷ đồng, đây là con số kỳ tích của sự tăng trưởng trong hơn 10 năm qua của Công ty. Quá trình tái đầu tư để hoàn thiện dự án cho các dây chuyền còn lại đòi hỏi giá trị vốn - tài sản phải lớn hơn. Năm 2024, Công ty đang triển khai giai đoạn 02 của dự án Nhà máy HDPHARMA EU: “Xây dựng 02 dây chuyền tân dược gồm Tiêm bột và Viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin, đạt tiêu chuẩn EU- GMP”, với tổng dự

toán 370 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Năm 2024 Dây chuyền sản xuất Thuốc viên, Cốm, Sủi không chứa kháng sinh Betalactam đã được cấp chứng chỉ đạt tiêu chuẩn EU - GMP, cũng đã đang được vận hành cho ra sản phẩm đạt chuẩn EU và bước đầu đã trúng thầu vào hệ thống điều trị kênh ETC và bán rộng rãi trong hệ thống phân phối kênh OTC, đây là bước ngoặt chuyển mình lên một tầm cao mới về “Chuẩn sản xuất” của Công ty chúng ta, là kết quả của sự cố gắng và nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và đội ngũ trí thức trẻ đã vất vả và theo đuổi trong nhiều năm qua.

Với những gì đã đạt được Công ty sẽ khai thác có hiệu quả, vượt qua những ảnh hưởng, khó khăn của nền kinh tế, đồng thời HDPHARMA vẫn khẳng định tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Công ty như sau:

HDPHARMA phấn đấu trở thành biểu tượng và là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. HDPHARMA luôn cung cấp tổng chất lượng tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu về một cuộc sống khỏe mạnh của khách hàng.

Các cột trụ của chiến lược công ty

Chiến lược công ty được xây trên 3 hướng chính, 3 trụ cột:

1. Xây dựng hệ thống sản xuất hiện đại lấy chất lượng làm mục tiêu và tâm điểm là chuẩn EU-GMP;

- Dây chuyền key thay vì sản phẩm key;
- Phát triển khâu nghiên cứu phát triển, coi đó là yếu tố hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng;

- Chất lượng có vai trò then chốt trong sản xuất Dược phẩm.

2. Xây dựng hệ thống kinh doanh chuyên nghiệp, hiện đại, rộng khắp đất nước.

3. Thiết lập định hướng Marketing cho mọi hoạt động của Công ty.

Các mục tiêu

- Cải tiến sản xuất, xây dựng hệ thống sản xuất thành sản xuất hiện đại.
- Đưa mác hàng HDPHARMA và các mác hàng của công ty trở thành những thương hiệu trong các nhóm dẫn đầu.

- Tăng tối đa thị phần của nhóm hàng sản xuất.

- Tăng tối đa độ phủ của nhóm hàng công ty tự sản xuất và phát triển thị phần.

- Xây dựng HDPHARMA thành công ty được quản lý theo tiêu chuẩn hiện đại, theo các qui trình, qui chuẩn nhất định.

- Phát triển nguồn nhân lực của công ty theo định hướng: khát vọng, hiện đại, nhiệt huyết, chuyên nghiệp.

- Liên doanh liên kết với các đối tác lớn trong ngành Dược để hợp tác sản xuất kinh doanh, trong đó có việc hợp tác xây dựng dây chuyền sản xuất chung

Kính thưa các Cổ đông và Nhà đầu tư! Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Các thành viên HDPHARMA bằng nhiệt huyết, trí tuệ, đoàn kết một lòng sẽ cố gắng thực hiện những mục tiêu đã đề ra, biến ước mơ đưa HDPHARMA trở thành doanh nghiệp Dược hàng đầu thành hiện thực.

Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện Hội đồng quản trị, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có hiệu quả.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN TRUNG VIỆT**

TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực Dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO , GMP- EU và đa dạng các mặt hàng thuốc. HDPHARMA luôn cung cấp tổng chất lượng tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu về một cuộc sống khỏe mạnh của khách hàng.

SỨ MỆNH

Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn cùng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đối với Đối tác Kinh doanh: Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

Đối với Cộng đồng Xã hội: HDPHARMA vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Nhân viên: Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

CỘT MỐC LỊCH SỬ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU


NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.
Tên tiếng Anh	HAIDUONGPHARMACEUTICAL MEDICAL MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Địa chỉ trụ sở chính	Số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Giấy đăng ký kinh doanh	Số 0800011018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương, cấp lần đầu ngày 04/04/2003, thay đổi lần thứ 21 ngày 07/6/2024.
Vốn điều lệ đăng kí	279.473.170.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	279.473.170.000 đồng
Điện thoại	0220.3853.848
Fax	0220.3853.848
Website	http://hdpharma.vn/
Mã cổ phiếu	DHD

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương (HDPHARMA) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Kể từ khi thành lập đến nay, quá trình xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dược Việt Nam cùng với những bước thăng trầm trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình phát triển của công ty có thể tóm lược qua những cột mốc như sau:

➤ **1961**

Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương thành lập Quốc doanh dược phẩm.

➤ **1966**

Quốc doanh dược phẩm tách thành hai đơn vị hành chính độc lập: Quốc doanh dược phẩm tỉnh Hải Hưng và xí nghiệp Dược tỉnh Hải Hưng.

➤ **1982**

Quốc doanh dược phẩm Hải Hưng và Xí nghiệp Dược Hải Hưng lại được hợp nhất thành Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng.

➤ **1988**

Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng đổi tên thành công ty Dược vật tư y tế Hải Dương.

2003

Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương chuyển thành Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương với vốn điều lệ là 10,26 tỷ đồng.

➤ **2007**

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đổi tên giao dịch thành HDPHARMA.

➤ **2010**

Công ty tăng vốn điều lệ từ 10,26 tỷ lên 30 tỷ đồng, thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược.

➤ **2018**

14/06/2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

2019

Năm 2019 Công ty đã chuyển đổi 20 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 28/10/2019: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

2023

Năm 2023 Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2023 số tiền : 53.998.450.000 đồng Ngày 07/6/2023: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là

2020

Năm 2020 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020 số tiền : 19.999.450.000 đồng Ngày 28/5/2020: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 99.999.450.000 đồng.

2024

Năm 2024 Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2024 số tiền : 75.476.870.000 đồng Ngày 07/6/2024: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là

2021

Năm 2021 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2020 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2021 số tiền : 19.999.430.000 đồng Ngày 26/5/2021: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 119.998.880.000 đồng.

2022

Năm 2022 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2021 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 số tiền : 29.998.970.000 đồng Ngày 26/7/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 149.997.850.000 đồng

203.996.300.000
đồng

279.473.170.000
đồng



CHÍNH HÀNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

HẢI DƯƠNG

Trụ sở chính Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương.

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

HÀ NỘI

Văn phòng công ty và Chi nhánh Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại Hà Nội

Địa chỉ: Lô đất Số 01, ô D6C, khu đất đấu giá quyền sử dụng đất, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TUYÊN QUANG

Công ty Dược Tuyên Quang

HẢI PHÒNG

Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ; Công ty TNHH Dược phẩm Minh Nhật

ĐIỆN BIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Điện Biên

HÒA BÌNH

Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt

SƠN LA

Công ty cổ phần Dược phẩm Dương Hồng Thúy

BẮC NINH

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

BẮC GIANG

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang ; Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

THÁI NGUYÊN

Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lan ; Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Yến

LẠNG SƠN

Nhà thuốc Thành Công

QUẢNG NINH

Công ty TNHH Hải Bình

NAM ĐỊNH

Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hà, Công ty Dược phẩm Toàn Anh

VĨNH PHÚC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc ; Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương tại TP.HCM

Địa chỉ: 99 đường số 101 – TML - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Quận 2 - TP.HCM – Việt Nam

ĐÀ NẴNG

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Miền Trung.

Địa chỉ : Lô 9 – C4. KDC Hòa phát 4, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

ĐẮC LẮC

Công ty Cổ phần Dược VTYT Đắc Lắc.

LÂM ĐỒNG

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng.

NINH THUẬN

Công ty Cổ phần Dược VTYT Ninh Thuận.

CẦN THƠ

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Cần Thơ.

Địa chỉ : Lô 09 – 53 – 54. Đường số 7, Khu dân cư Stella Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;

Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

Sản xuất thực phẩm chức năng;

Sản xuất mỹ phẩm;

Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;

Bán buôn thực phẩm chức năng;

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;

Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);

Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;

Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;

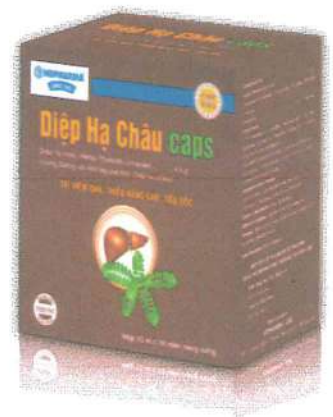
Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
Trồng cây dược liệu;
Chăn nuôi tắc kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
In ấn;
Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, sản xuất nước uống không cồn, nước khoáng.
Xây dựng nhà các loại .

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH:



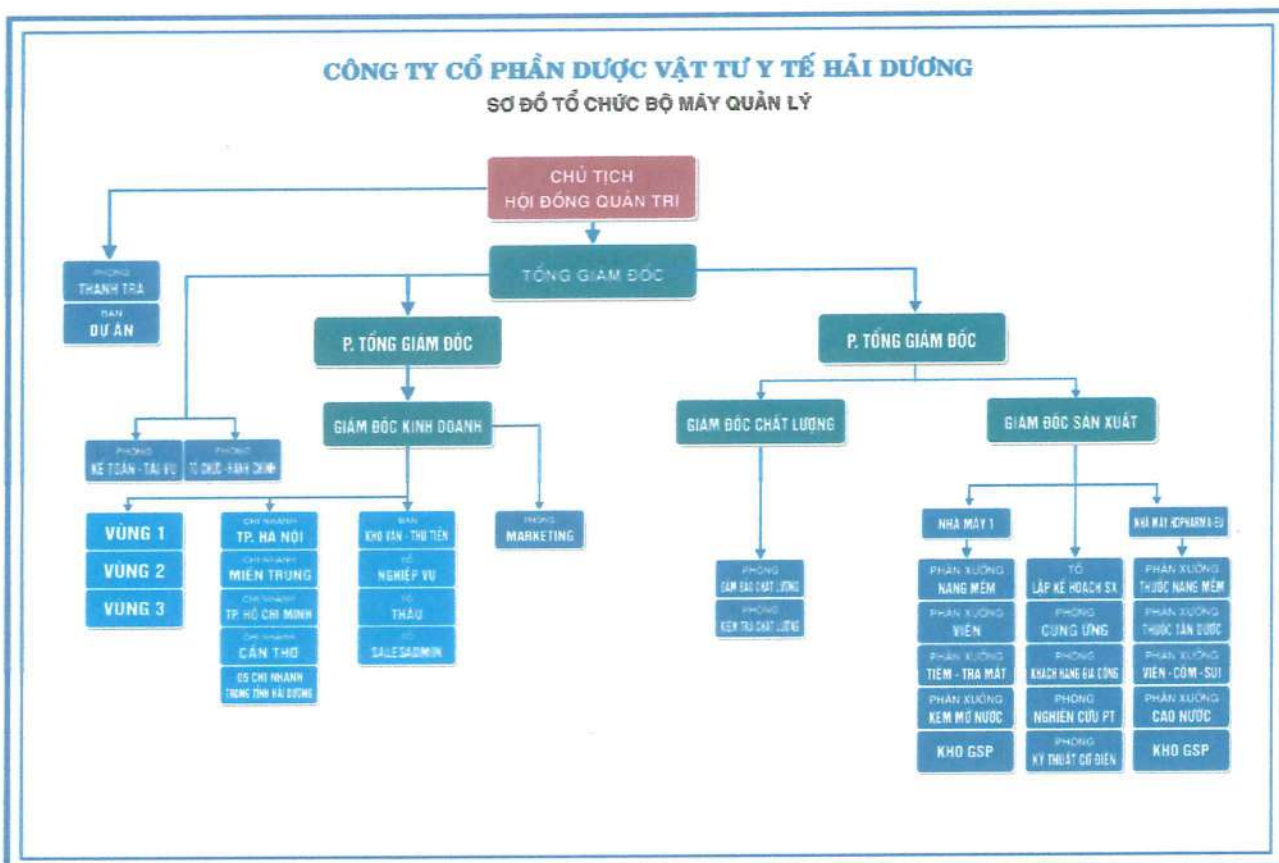
Error!
Not a
valid link.







CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty gồm ba (03) thành viên.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu

Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO , GMP EU và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền gồm:

Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.

Dây chuyền dung dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.

Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam và dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu.

Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam.

Dây chuyền thuốc viên + Cốm + Sủi không chứa nhóm kháng sinh Beta-lactam đạt tiêu chuẩn EU - GMP

Dây chuyền sản xuất mỹ phẩm, vật tư y tế.

Dây chuyền thuốc tân dược gồm tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU - GMP

Kiến toàn hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn của khối EU.

Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

Chiến lược phát triển

Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

Về chính sách thị trường và bán hàng

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa trong nước và Quốc tế để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website khác.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.

Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.

Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

Mở rộng dây chuyền thuốc tiêm.

Đầu tư xây dựng Dây chuyền thuốc tân dược gồm tiêm, bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU – GMP

Đầu tư máy móc sản xuất và thiết bị kiểm nghiệm công nghệ tiên tiến .

Về chính sách đào tạo nhân lực

Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi Cán bộ công nhân viên đi đào tạo nâng cao.

Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho Cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp.

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Tuyên truyền cho Cán bộ công nhân viên chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng Cán bộ công nhân viên kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

CÁC RỦI RO

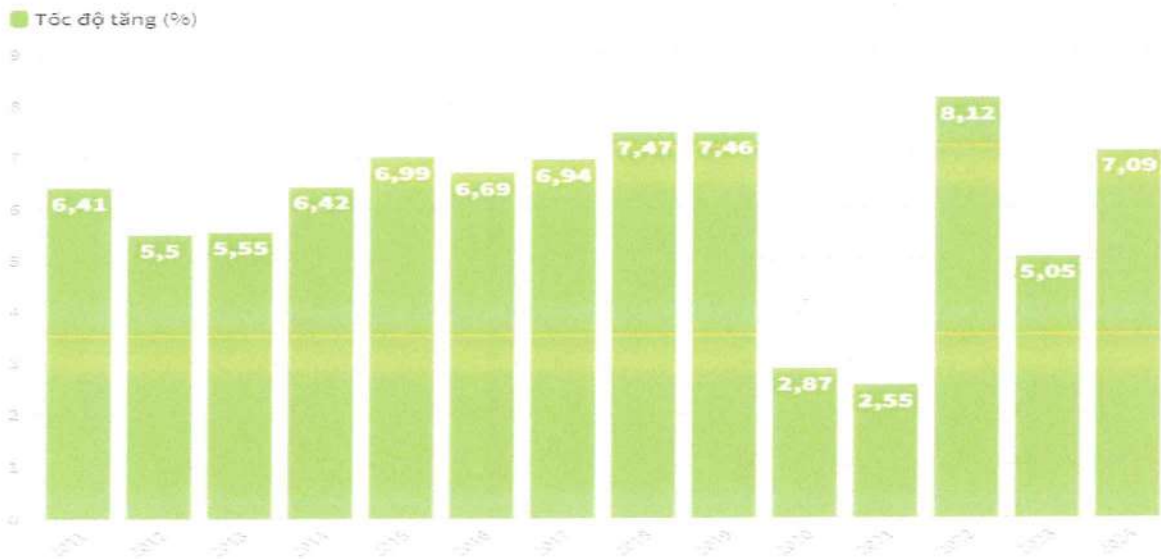
RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có HDPHARMA.

Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm tăng trưởng GDP 7,09% so với năm 2023, cao hơn mục tiêu Quốc hội đề ra, nâng quy mô nền kinh tế đạt khoảng 476,3 tỷ đô la Mỹ (USD), đứng thứ 33 thế giới; thu nhập bình quân đầu người đạt 4.700 USD.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP GIAI ĐOẠN 2011-2024



Tính chung, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024.

Năm 2024 Quốc hội đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP là từ 6% - 6,5% cao hơn kết quả đạt được của năm 2023 là từ 0,95% đến 1,45%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 - 4.730 USD. Đây cũng là mục tiêu đầy thách thức trong bối cảnh khó khăn chung trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này Quốc Hội, Chính Phủ đã có nhiều giải pháp, chính sách hợp lý, đồng bộ nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng của, chiến tranh giữa Nga và Ucraina kéo dài, xung đột lãnh thổ giữa các nước Trung đông, Biển Đỏ, xung đột kinh tế giữa Nga với Liên minh EU, Mỹ và ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) vào tháng 9/2024.

Vượt qua khó khăn năm 2024 sản xuất kinh doanh trong nước đã hồi phục tích cực và GDP tăng trưởng vượt chỉ tiêu kế hoạch Quốc Hội giao và đây cũng là môi trường tốt ảnh hưởng đến sự phát triển của Ngành Dược Việt Nam.

Lạm phát

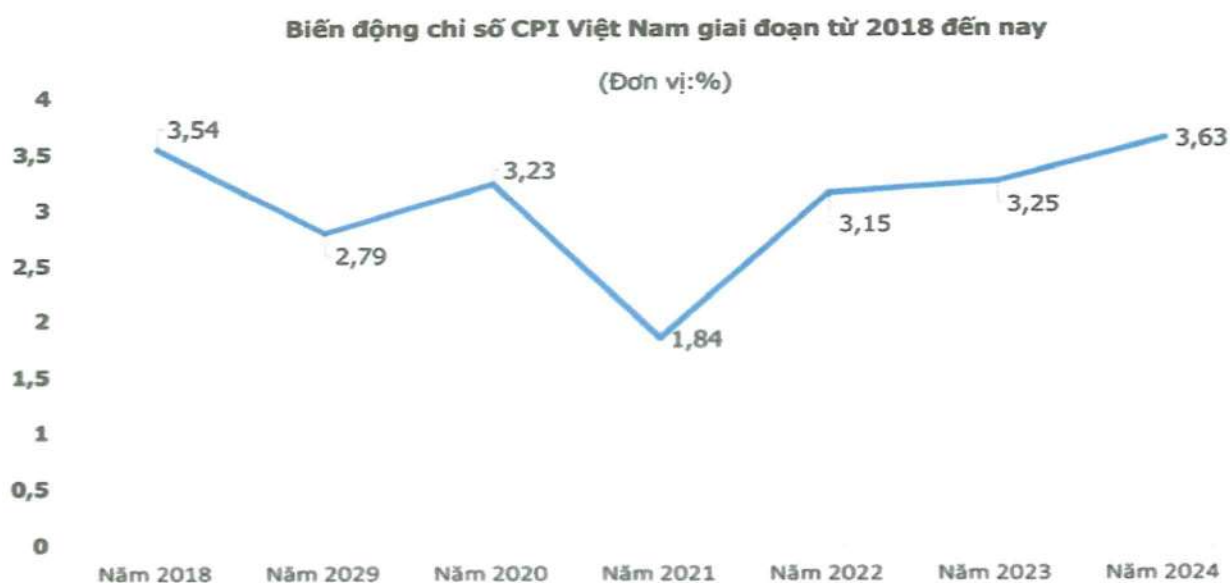
Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp so với mặt bằng chung, khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Bình quân cả năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra từ 4- 4,5%

Lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%).

Để ổn định kinh tế vĩ mô, thành công trong việc kiểm soát lạm phát, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai quyết liệt nhiều giải pháp trong năm 2024 như đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân.

Chú trọng tăng cường công tác quản lý, điều hành giá, đặc biệt trong thời điểm thiên tai, bão lũ, kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để hỗ trợ, cứu trợ người dân bị thiệt hại do bão lũ. Điều hành giá các mặt hàng Nhà nước định giá, các dịch vụ công theo lộ trình thị trường một cách thận trọng. Các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp cũng được Chính phủ tiếp tục thực hiện trong năm 2024.

Bên cạnh đó, chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả đã góp phần kiểm soát lạm phát. Ngoài ra, sự hạ nhiệt của lạm phát thế giới đã tác động tới lạm phát của Việt Nam, giảm bớt áp lực từ kênh nhập khẩu lạm phát.



Lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi. Chủ động cân đối tốt, hợp lý các nguồn vốn trong thanh toán để tiết kiệm tối đa vốn lưu động, chi phí vốn vay.

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong một thời gian Ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam. Hệ thống các chuỗi bán buôn, bán lẻ trong nước và nước ngoài hình thành nhanh chóng chiếm lĩnh và chia sẻ thị trường phân phối dược phẩm tại Việt Nam ví dụ như chuỗi nhà thuốc [Long Châu](#), [Pharmacy](#), An Khang... Theo kế hoạch, tổng số nhà thuốc của ba chuỗi bán lẻ này có thể lên đến con số 7.300 trong năm 2025, tương đương 16% thị phần. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan tỏa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người

tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về Phòng cháy chữa cháy, An toàn lao động, đảm bảo thực hiện tốt công tác Phòng cháy chữa cháy.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp,

bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính

pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Hiện nay Cục Quản lý Dược đã đưa chuẩn PIC/S vào tiêu chuẩn. Yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP – WHO và đòi hỏi làm đúng chuẩn. Chính sách của Cục Dược đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Xu hướng làm đúng chuẩn và kiên quyết loại bỏ các Doanh nghiệp thực hiện không đúng chuẩn là tất yếu trong quá trình phát triển của Ngành Dược.

Sau khi thông tư 15/2019 có hiệu lực từ năm 2019, các công ty sản xuất dược nội địa bắt đầu cuộc chạy đua xây dựng dây chuyền sản xuất đạt chuẩn EU-GMP. Canh tranh Nhà máy đạt chuẩn EU-GMP sẽ rất khốc liệt trong trung hạn. Đó không chỉ liên quan đến bài toán về nguồn vốn mà còn cả về chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2020 trở đi, các Cơ quan quản lý Dược Việt Nam yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm bảo vệ sức khỏe do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của chúng ta có rất nhiều là gia công thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết được triệt để rủi ro này. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành Dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như

khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, nguồn sản xuất, xuất sứ của nguyên liệu. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành Dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường. Đặc biệt kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam chưa kịp phục hồi sau đại dịch Covid - 19 thì chiến tranh giữa Nga và Ucraina, xung đột các nước Trung Đông, Biển đỏ lại liên tục xảy ra , nó ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu, trong đó có nguyên liệu của ngành dược, tình trạng thiếu Nguyên phụ liệuL, giá cả tăng , chi phí vận chuyển tăng... dẫn đến nhiều Doanh nghiệp phải ngừng nghỉ sản xuất, phá sản . Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua dược liệu , chủ động thực hiện đề án xây dựng vùng sản xuất dược liệu theo tiêu chuẩn GACP tại huyện Ninh Giang, Tứ Kỳ , Chí Linh và Gia Lộc tại Tỉnh Hải Dương, để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào của nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

NGUỒN NHÂN LỰC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2023	% Tăng, giảm 2024/2023
Doanh thu thuần	Đồng	665.001.708.794	614.742.735.938	8,2%
Giá vốn hàng bán	Đồng	454.770.265.987	426.688.430.719	6,6%
Lợi nhuận gộp	Đồng	210.231.442.807	188.054.305.219	11,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	633.188.787	426.708.493	48,4%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	6.255.488.148	8.539.743.135	-26,7%
Chi phí bán hàng	Đồng	74.149.536.551	68.644.819.855	8,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	81.814.791.647	72.660.901.541	12,6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	48.644.815.248	38.635.549.181	25,9%
Lợi nhuận khác	Đồng	2.143.693.425	856.370.536	150,3%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.788.508.673	39.491.919.717	28,6%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.608.780.696	31.514.069.929	28,9%

Tổng doanh thu thuần:

Doanh thu thuần 2024 tăng : 8,2% so với 2023, trong khi năm 2023 giảm 0,2% so với 2022. Đây là sự phục hồi của nền kinh tế nói chung và là kết quả của chiến lược, sự đầu tư cho sản xuất, đầu tư hệ thống phân phối đúng hướng của Công ty.

Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 : 50.788.508.673 đồng, tăng 28,6% so với năm 2023, tương đương số tiền : 11.296.588.956 đồng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 : 40.608.780.696 đồng, tăng 28,9% so với năm 2023, tương đương số tiền : 9.094.710.767 đồng.

Lý do tăng lợi nhuận

- Doanh số năm 2024 tăng : 8,4% so với năm 2023.
- Tỷ trọng cơ cấu doanh thu hàng sản xuất năm 2024 chiếm 78,2%, tăng 1,66% so với năm 2023 đã làm cho tỷ lệ lãi gộp bình quân năm 2024 tăng : 0,94%.

- Doanh số và tỷ lệ lãi gộp bình quân cùng tăng, từ đó làm cho lãi gộp tạo ra năm 2024 tăng : 22.177.137.588 đồng, tốc độ tăng là : 11,79%. Đây là nguồn chính để làm cho lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng.

- Cân đối và sử dụng hợp lý vốn trong thanh toán và vốn vay, từ đó tiết kiệm chi phí tài chính là : 2.284.254.987 đồng.

- Quản trị tốt chi phí quản lý bán hàng và chi phí quản lý bởi vậy nhóm chi phí này chỉ tăng : 14.658.606.802 đồng, tốc độ tăng : 10,37%.

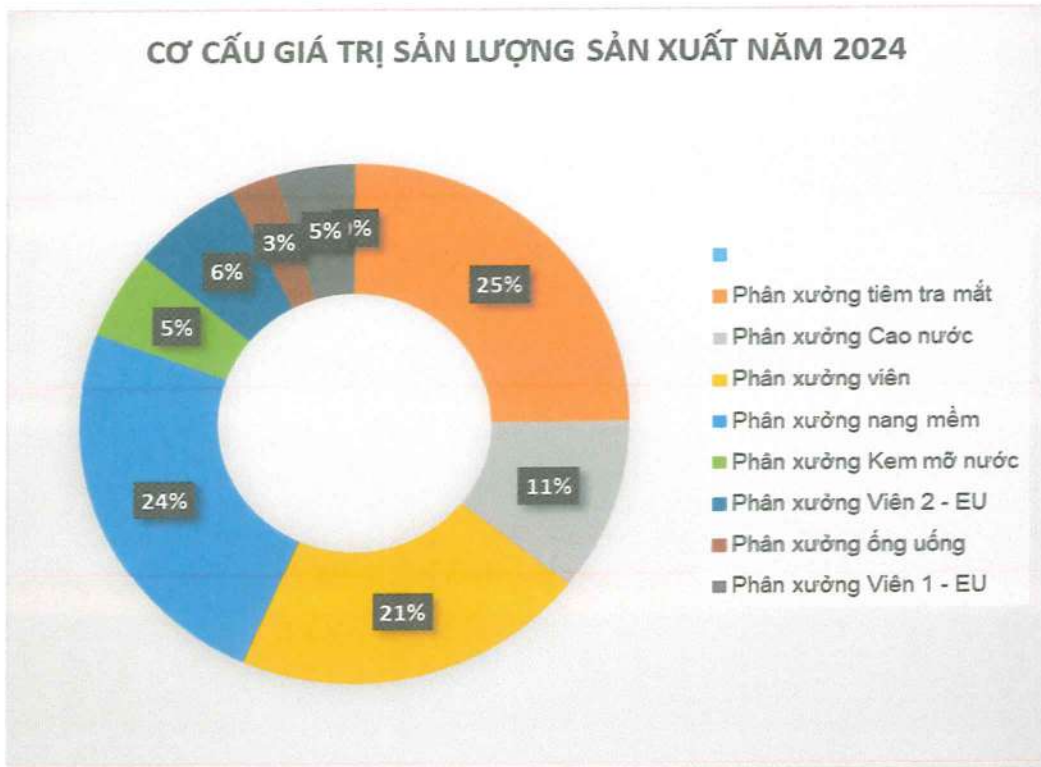
- Doanh thu tài chính và thu nhập khác tăng, làm cho lợi nhuận khác năm 2024 so với năm 2023 cũng tăng : 1.287.322.889 đồng

Tổng hợp các lý do trên làm cho Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp tăng 28,6% và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 tăng so với năm 2023 là : 28,9%

Hoạt động sản xuất năm 2024

(ĐVT: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	%Thực hiện 2024/ 2023
Phân xưởng tiêm tra mắt	87.089.776	74.333.718	117,2%
Phân xưởng Cao nước	38.070.609	34.277.891	111,1%
Phân xưởng viên	73.024.008	74.948.020	87,4%
Phân xưởng nang mềm	84.182.129	94.802.421	88,8%
Phân xưởng Kem mỡ nước	18.960.449	21.832.598	86,8%
Phân xưởng Viên 2 - EU	22.693.648	23.991.245	94,6%
Phân xưởng ống uống	9.840.948	6.822.420	144,2%
Phân xưởng Viên 1 - EU	16.260.482	2.167.737	650,1%
Tổng giá trị sản lượng	350.122.049	333.176.463	105,1%



Công tác kế hoạch sản xuất: Đây là mảng công việc gặp rất nhiều khó khăn do trong năm 2024 vì cùng với việc thay đổi tư duy phương pháp điều hành và quản lý mới để phù hợp với việc chuỗi cung ứng luôn thường truchj nguy cơ đứt gãy bởi chiến tranh, xung đột lãnh thổ, xung đột kinh tế giữa các khu vực kinh tế trên thế giới, nguyên liệu khan hiếm, giá cả luôn biến động tăng, hàng hóa lưu thông không thuận tiện, ách tắc ... thì nhu cầu của Khách hàng thất thường, xu hướng tiêu dùng không ổn định, làm cho công tác lập kế hoạch luôn bị động, mất cân đối ảnh hưởng đến sản xuất và bán hàng.

♦ Về giá trị sản lượng sản xuất : Năm 2024 giá trị sản lượng sản xuất đạt : 350.122.049 nghìn đồng ; hụt 19,7% so với kế hoạch; tăng 5,09% so với năm 2023, tương đương số tiền : 16.945.586 nghìn đồng .

Đánh giá: Năm 2024 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “Giá trị sản lượng sản xuất”. Nguyên nhân chính là :

- ✓ Dây chuyền EU - GMP hoạt động chưa thường xuyên , chưa tạo ra sản phẩm đạt chuẩn GMP EU có giá trị cao trong sản xuất như kỳ vọng .
- ✓ Nền kinh tế phục hồi sau đại dịch Covid – 19 vẫn còn chậm , tiếp đến là chiến tranh Nga và Ucraina kéo dài, xung đột lãnh thổ và kinh tế xảy ra nhiều nơi trên thế giới, giá cả tăng cao, lạm phát toàn cầu , nên sức mua của người tiêu dùng giảm, dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm kéo theo sản xuất giảm theo.

- ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược và suy thoái kinh tế dẫn đến doanh số của nhóm hàng sản xuất của công ty, nhóm hàng gia công cho khách hàng tuy có tăng trưởng so với năm trước song vẫn chưa được như kỳ vọng mà Đại hội Cổ đông năm 2024 đặt ra.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Việt
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 26/4/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học xã hội

Quá trình công tác:

◆ Từ năm 1997 – tháng 03/2014: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Vinasun – Ucraina – Kiev

◆ Từ tháng 04/2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 11.414.801 cổ phiếu chiếm 40,84% vốn Điều lệ.



Bà Nguyễn Thị Tú Anh
Thành viên Hội Đồng

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 02/1989 đến tháng 10/1991: Đại lý thuốc cho Hiệu thuốc Trung tâm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

◆ Từ tháng 11/1991 đến tháng 7/1995: Tổ trưởng Tổ Pha chế thuốc Tiêm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

◆ Từ tháng 8/1995 đến tháng 3/2003: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2011: Thành viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2016: Ủy viên Hội đồng quản

Quản Trị ,kiêm Tổng
Giám Đốc



Ông Trần Phúc Dương

Thành viên Hội Đồng
Quản Trị .

trị – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại Tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: **1.123.823** cổ phiếu chiếm 3,99% vốn Điều lệ.

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1989 – tháng 07/2015: Kinh doanh tự do

♦ Từ tháng 08/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ công tác hiện tại tại Tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 1.135.036 cổ phiếu chiếm 4,06% vốn Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT



Bà Phạm Thị Thủy
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 10/1992 – tháng 3/2015: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2015 - tháng 11/2015: Thanh tra tài chính - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Tháng 12/2015 - tháng 10/2016: Thanh tra tài chính, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Tháng 11/2016 - nay: Thanh tra tài chính, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Thanh tra tài chính, Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại Tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: **237.085** cổ phiếu chiếm 0,85% vốn điều lệ.



Ông Trần Kim Cương
Thành viên Ban Kiểm
Soát

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1975

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 7/1996 – tháng 8/2004: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 10/2004 – tháng 3/2009: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Chí Linh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 4/2009 – nay: Giám đốc Chi nhánh – Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch : Giám đốc Chi nhánh – Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 145.780 cổ phiếu chiếm 0,52% vốn Điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Hương
Lan**
Thành viên Ban Kiểm
Soát

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1987

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 12/2010 – tháng 12/2013: Nhân viên Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 01/2014 – tháng 02/2015: Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 03/2015 – tháng 06/2018: Phó Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất- Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2020: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 12/2020 đến Tháng 2/2022: Phó phòng Cung ứng tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 3/2022 đến nay: Tổ trưởng tổ lập kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 3.894 cổ phiếu chiếm 0,01% vốn Điều lệ.

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Đặng Văn Việt

Giám Đốc Chất lượng

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 5/1991 - tháng 5/1995: Cán bộ Hiệu thuốc Đông Anh – Hà Nội

♦ Từ 6/1995 - năm 2001: Quản đốc Phân xưởng tại Công ty Cổ phần Traphaco Hà Nội

♦ Từ 2002 - tháng 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco Sapa

♦ Từ tháng 1/2004 - tháng 3/2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Dược Hà Nội

♦ Từ tháng 4/2007 - tháng 10/2012: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2012 - tháng 4/2015: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 5/2015 đến nay: Giám đốc Chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Giám đốc Chất lượng

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 111.264 cổ phiếu chiếm 0,398% vốn Điều lệ.



Ông Phạm Văn Năm

Giám Đốc Kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1980

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 9/2002 – tháng 12/2011: Nhân viên Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương.

♦ Từ tháng 01/2012 – tháng 11/2015: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương.

♦ Từ tháng 12/2015 – tháng 6/2018: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang kiêm Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Kinh

doanh thuộc Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương.

♦ Từ tháng 7/2018 – tháng 7/2020: Phó Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương.

♦ Từ tháng 8/2020 đến nay: Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương.

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Giám đốc Kinh doanh

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15.123 cổ phiếu chiếm 0,054% vốn Điều lệ.



Ông Chu Văn Long
Kế Toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1966

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán – Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1993–năm 1997: Nhân viên kế toán- Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ năm 1998–năm 2003: Phó phòng kế toán – Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 100.644 cổ phiếu chiếm 0,36% vốn Điều lệ.

NGUỒN NHÂN LỰC

Để đáp ứng nhu cầu công việc, Công ty đã tuyển dụng công nhân viên với nhiều cấp bậc trình độ khác nhau.

Bảng cơ cấu công nhân viên năm 2024

Tiêu chí	Số lượng 2024 (người)	Tỷ trọng 2024 (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	255	30,50%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	498	59,57%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	42	5,02%
Lao động phổ thông	41	4,91%
Tổng	836	100%

Công tác quản lý lao động:

Công ty quản lý giờ làm việc; công việc chủ yếu sử dụng theo khoán việc và khoán sản phẩm để đánh giá kết quả lao động.

Chính sách lao động:

Trong năm, Công ty đã thực hiện một số chương trình đào tạo nghiệp vụ bán hàng, đào tạo phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và đào tạo chuyên môn kiểm nghiệm cho cán bộ quản lý và kiểm nghiệm viên.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được triển khai theo định kỳ hàng năm.

Mức thu nhập:

Thu nhập trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là : 11.744.000đ/ người/ tháng tăng : 960.000đ, tốc độ tăng: 3,7%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	646.386.356.355	578.985.769.945	11,6%
2	Doanh thu thuần	665.001.708.794	614.742.735.938	8,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.644.815.248	38.635.549.181	25,9%
4	Lợi nhuận khác	2.143.693.425	856.370.536	150,3%
5	Lợi nhuận trước thuế	50.788.508.673	39.491.919.717	28,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	40.608.780.696	31.514.069.929	28,9%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	1.453	1.128	28,8%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần)	1,83	1,70	7,65%
	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,15	1,04	10,58%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	29,72	27,4	8,47%
	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu (%)	42,29	37,81	11,85%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho bình quân (Giá vốn / Tồn kho bình quân)	3,9	5,7	-31,58%
	Doanh thu thuần / Tổng tài sản (lần)	0,972	1,062	-8,47%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (%)	6,11%	5,13%	19,10%
	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	8,94%	7,50%	19,2%
	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)	6,28%	5,44%	15,44%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần (%)	7,32%	6,29%	16,37%

Khả năng thanh toán:

Trong năm 2024, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn là 1,83 lần, Tăng so với năm 2023 là 0,13 lần, tương đương 7,65%.

Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2024 là 1,15 lần, tăng so với năm 2023 là 0,11 lần, tương đương 10,58%.

Kết luận: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều tăng, chứng tỏ công ty có đủ lượng tiền và các khoản tương đương tiền để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Đây là chỉ số tính cho 1 thời điểm, nó đòi hỏi phải có 1 lượng tiền và tương đương tiền đủ lớn, nhưng nếu duy trì thường xuyên tiền mặt, tiền gửi sẽ dẫn đến lãng phí vốn bởi vậy công ty phải biết luân chuyển hay sử dụng sao cho hợp lý hiệu quả, an toàn các khoản tiền tệ hiện có tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Về cơ cấu vốn:

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn tăng: 8,47%, do tổng nguồn vốn trong năm 2024 của Công ty tăng ít hơn so với tốc tăng của Nợ phải trả. Cụ thể, tổng nguồn vốn tăng 11,64%, còn nợ phải trả tăng tới 22,66% so với năm 2023.

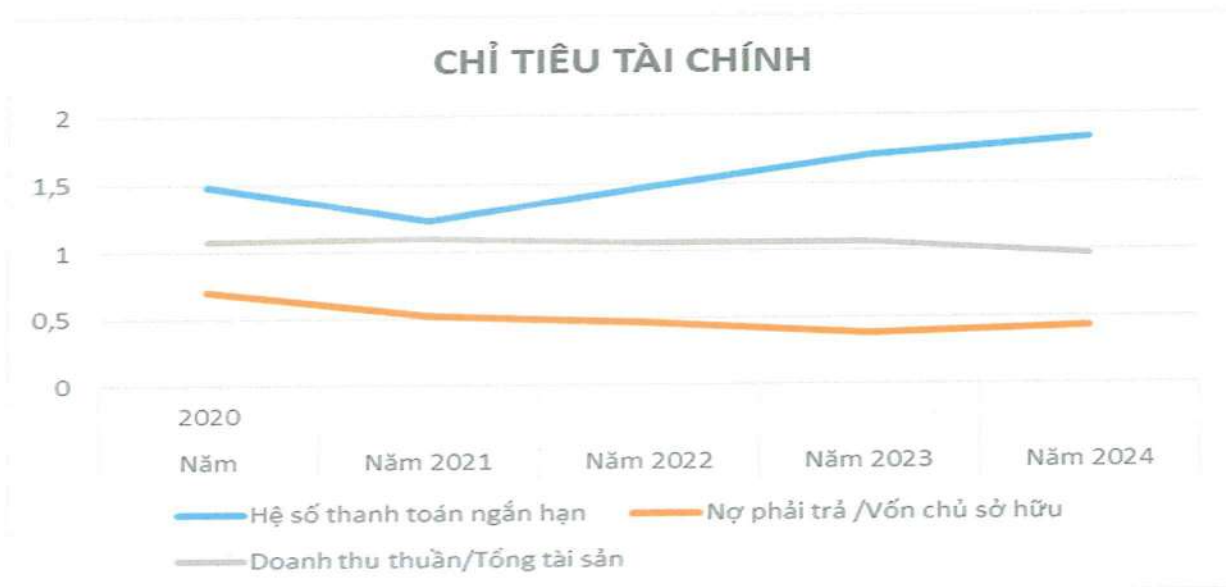
- Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu cũng tăng: 11,8%, do nợ phải trả chỉ tăng 22,66% trong khi đó vốn chủ sở hữu chỉ tăng 10,76% so với năm 2023.

Kết luận: 2 Chỉ tiêu cơ cấu vốn đều tăng so với năm 2023 nguyên nhân: Phải trả cho người bán tăng 35% là do công ty đang triển khai dự án xây dựng nhà máy mới HDPHARMA giai đoạn 2, Dự trữ nguyên liệu vào cuối năm; Người mua trả tiền trước tăng: 129% là do nhiều khách hàng đặt cọc trước tiền hàng để đăng ký và sản xuất trên dây chuyền đạt Chuẩn EU-GMP; Còn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thì giảm: 18,2%. Mặc dù 2 chỉ tiêu này tăng song chúng ta thấy Công ty vẫn quản lý tốt và hiệu quả Vốn trong thanh toán, khả năng tài chính của doanh nghiệp là ổn định, tự chủ được vốn trong sản xuất kinh doanh và đầu tư cho dự án xây dựng nhà máy HDPHARMA giai đoạn 2.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho trong năm 2024 giảm 1,8 vòng so với năm 2023, tương đương tỷ lệ giảm là 31,58%, Nguyên nhân chính do tốc độ hàng tồn kho bình quân tăng 22,57% so với 2023, trong khi đó tổng giá vốn hàng bán năm 2024 lại chỉ tăng 6,58% so với năm 2023. Tồn kho BQ tăng là do công ty đã chủ động mua nguyên phụ liệu có nguồn gốc từ nước ngoài dự trữ để ổn định sản xuất cho năm 2025, nhằm tránh thiếu cục bộ hay biến động tăng tỷ giá, tăng giá cả như những năm 2023 và 2024.

Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm: 8,4%, do doanh thu thuần năm 2024 tăng với tốc độ là 2,2%, trong khi đó tổng tài sản lại tăng: 11,64% so với năm trước.



Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,48	1,24	1,47	1,70	1,83
Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	0,70	0,52	0,461	0,378	0,423
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,08	1,10	1,062	1,067	0,972

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,46%	4,77%	4,86%	5,13%	6,12%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8,2%	7,98%	7,60%	7,5%	8,94%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	4,82%	5,27%	5,20%	4,62%	6,28%
Lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh / Doanh thu thuần (%)	5,56%	5,55%	5,93%	6,29%	7,32%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu:

Số lượng cổ phần: □	27.947.317 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu: □	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	27.947.317 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành: □	27.947.317 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	27.947.317 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông năm 2024

Bảng cơ cấu Cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước		
	- Tổ Chức	0	0%
	- Cá nhân	421	99,93%
2	Cổ đông nước ngoài		
	- Tổ chức	2	0,024%
	- Cá nhân	3	0,046%
	Tổng cộng	426	100%

Bảng cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	-
2	Cổ đông sáng lập	1.521.679	5,45%
3	Cổ đông lớn	15.994.741	
	Trong nước	15.994.741	57,23%
	Nước ngoài	0	0
4	Cổ đông khác	10.430.897	
	Trong nước	10.411.386	37,25%
	Nước ngoài	19.511	0,07%
	TỔNG CỘNG		100%

Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Trung Việt	001069002861	Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	11.414.801	40,84%

Trần Mai Lan	001171004106	P506-L02 KĐT Nam Thăng Long, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	4.579.950	16,39%
--------------	--------------	---	-----------	--------

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đánh giá chung:

Năm 2024 tiếp tục là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương nói riêng và toàn Ngành Dược Việt Nam nói chung, do ảnh hưởng của hậu Covid – 19 đến kinh tế toàn cầu, chiến tranh giữa Nga và Ucraina kéo dài, xung đột kinh tế giữa Nga và Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ tại Trung Đông, Biển đỏ ... đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, lạm phát, giá cả tăng, kinh tế suy thoái kéo dài.

Thị trường

Năm 2024 là năm các doanh nghiệp trong, ngoài ngành dược vẫn còn bị ảnh hưởng bởi hậu Covid – 19 nên kinh tế hồi phục chậm, môi trường và hình thức kinh doanh có nhiều thay đổi dẫn đến thị phần có nhiều thay đổi. Thị phần lớn và cốt yếu của Công ty là thị trường Miền Trung Tây Nguyên và phía Nam, còn trên thị trường trong tỉnh Hải Dương, HDPHARMA mới chỉ mạnh ở kênh bán hàng ETC. Do môi trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, thị phần kênh bán hàng OTC hàng sản xuất ở các khu vực tiềm năng này của Công ty tăng trưởng rất chậm chưa được như dự tính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2024	2023	% tăng giảm 2024/2023
Tài sản ngắn hạn	341.148.607.589	266.604.877.103	128,0%
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.419.168.182	25.418.100.057	123,6%
Các khoản phải thu ngắn hạn	180.755.628.545	135.831.193.325	133,1%
Hàng tồn kho	127.909.053.084	104.353.518.072	122,6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.064.757.778	1.002.065.649	106,3%
Tài sản dài hạn	305.237.748.766	312.380.892.842	97,7%
Giá trị còn lại của Tài sản cố định	277.938.572.145	294.215.719.104	94,5%

Tài sản dở dang dài hạn	24.432.507.459	10.635.029.498	229,7%
Tài sản dài hạn khác	2.866.669.162	7.530.144.240	38,1%
Tổng tài sản	646.386.356.355	578.985.769.945	111,6%
Nợ phải trả	192.108.895.710	158.850.659.496	120,9%
Nợ ngắn hạn	186.108.895.749	156.619.610.736	118,8%
Nợ dài hạn	6.018.294.961	2.231.048.760	269,8%
Vốn chủ sở hữu	454.259.165.645	420.135.110.449	108,1%
Tổng nguồn vốn	646.386.356.355	578.985.769.945	111,6%

Cơ cấu tài sản

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty có thay đổi trong năm 2024 .

Tài sản ngắn hạn:

Tổng tài sản ngắn hạn năm 2024 tăng : 28% so với năm 2023, Trong đó : Các khoản phải thu ngắn hạn tăng : 33,1% , còn lại Tiền và các khoản tương đương tiền tăng: 23,6% , hàng tồn kho tăng: 22,6% và Tài sản ngắn hạn khác tăng: 6,4% . Đánh giá về nguyên nhân thì hiện tại công ty đang triển khai dự án xây dựng nhà máy HDPHARMA giai đoạn 2 bởi vậy số tiền ứng trước cho các Nhà cung cấp để mua máy móc thiết bị tăng cao , dự trữ nguyên phụ liệu cả nhập khẩu cho dây chuyền GMP EU, thu hồi tiền hàng vào thời điểm cuối năm tăng.

Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2024 giảm 2,3% so với năm 2023. Nguyên nhân chính là do tổng khấu hao cả năm cao hơn giá trị tài sản máy móc - Thiết bị đầu tư và chi phí xây dựng

cơ bản dở dang phát sinh trong năm , cụ thể: Khấu hao + Phân bổ chi phí dài hạn tăng là : 31.536.302.830 đồng, trong khi đó đầu tư bổ sung thêm Máy móc – thiết bị sản xuất và nhà cửa năm 2024 chỉ tăng là : 24.344.158.704 đồng .

Nợ phải trả

Trong 2024, cơ cấu nợ đã thay đổi tăng: 20,6%, nguyên nhân do nợ ngắn hạn tăng :18,8% , đồng thời Nợ dài hạn cũng tăng: 169,8% so với 2023.

Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2024 Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên 8,1%, là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ kết quả sản xuất - Kinh doanh năm 2024 tăng so với năm 2023.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2024, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc

nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng

vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động, tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Năm 2024 công ty đã khai thác triệt để hơn phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp - ERP vào khâu lập kế hoạch sản xuất, quản trị bán hàng và quản trị tài chính - kế toán quản lý nhân sự và tiền lương, từ đó góp phần làm cho công tác tài chính, hệ thống các qui trình, qui chuẩn công việc, qui chế quản lý tài chính toàn công ty được kiện toàn hơn;

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thông tư 96/2020/TT-BTC về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 16/11/2020. Thông tư 68/2024/TT – BTC ngày 18/9/2024 trong đó có qui định về lộ trình

công bố thông tin bằng Tiếng anh. Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản



xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2025 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước vẫn sẽ còn khốc liệt, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và phân phối. Chiến tranh giữa Nga và Ucraina, bất đồng kinh tế giữa Nga với Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ các nước Trung Đông, Biển Đỏ ... đã làm chuỗi cung ứng của nền kinh tế toàn cầu bị đứt gãy, kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, lạm phát giá cả tăng cao... đây là thách thức lớn cho công ty. Ban giám đốc Công ty sẽ tiếp tục đánh giá đúng về năng lực của hệ thống sản xuất - kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh để có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường:

Thay đổi chính sách khách hàng phù hợp

Không ngừng hoàn thiện chính sách phục vụ sản xuất kinh doanh

Các phòng ban chức năng, Phòng khách hàng gia công, Khối kinh doanh, đặc biệt bộ phận dịch vụ khách hàng, tiếp nhận thông tin nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời thỏa mãn khách hàng.

Đặc biệt tập trung hoàn thiện các Chính sách trong công tác nghiên cứu thực nghiệm; Định mức lao động, định mức lương cho từng sản phẩm.

Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, ISO9001 : 2015 và ISO13485 : 2016 hiện hành.

Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng để tạo niềm tin cho khách hàng.

Tập trung nghiên cứu, phát triển một số mặt hàng chiến lược, có giá trị cao tạo ra những sản phẩm thương hiệu cho HDPHARMA.

Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.

Người lao động thực hiện công việc theo đúng quy trình quy chuẩn công việc, qui chuẩn văn hóa doanh nghiệp đã ban hành.

Đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm sùi không chứa kháng sinh nhóm Betalacatam đã đạt chuẩn EU-GMP.

Thực hiện tốt công tác thẩm định GMP cho các dây chuyền sản xuất thuốc hiện có đạt chuẩn GMP – WHO và thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi đến hạn.

Chính sách kinh doanh:

Không ngừng hoàn thiện và thực hiện tốt mục tiêu “lấy khách hàng là trung tâm”.

Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường cạnh tranh hiện nay, Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

Năm 2025 Khối Kinh doanh hoàn thiện các chính sách cụ thể:

- ✓ Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng
- ✓ Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.
- ✓ Chính sách bán hàng, Marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống phân phối toàn quốc lấy Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh tại Cần Thơ làm trung tâm, nòng cốt cho hệ thống phân phối mới.

Công tác Kinh doanh

Phần đầu doanh số bán ra đạt chỉ tiêu: 830 tỷ đã đề ra cho năm 2025.

Chuyên nghiệp hóa công tác của Tổ thầu, mục đích đưa hàng Hải Dương sản xuất ra phạm vi ngoài tỉnh bằng cả hai hình thức: Trực tiếp tham gia dự thầu và liên doanh với các Công ty bạn trên từng địa bàn phân phối.

Hoàn thiện hệ thống bán hàng kênh OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.

Đầu tư cho hệ thống bán hàng tại các tỉnh, có chính sách bán hàng tốt nhất để các Nhà phân phối, đại lý và các cộng tác viên gắn bó với sản phẩm Hải Dương sản xuất.

Công tác hoàn thiện hệ thống bán hàng sản xuất

Hệ thống bán hàng kênh OTC:

- ✓ Xây dựng và kiện toàn lại toàn bộ hệ thống nhân sự từ Quản lý vùng đến Trình dược viên toàn quốc theo đúng chiến lược kinh doanh đã duyệt.
- ✓ Lựa chọn nhà phân phối, giám sát trình dược viên và nhà phân phối để đạt được mục tiêu phủ hàng tốt, quản lý nhân viên và hàng hóa công nợ chặt chẽ hiệu quả.
- ✓ Xây dựng mở rộng thêm hệ thống bán hàng, tăng độ bao phủ thị trường để tăng thị phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Nâng cao doanh số bán hàng trung bình của trình dược viên / tháng theo chỉ tiêu
- ✓ Thúc đẩy tích cực việc triển khai sản phẩm mới để đưa sản phẩm vào thị trường một cách nhanh nhất và có hiệu quả.

- ✓ Gia tăng số lượng sản phẩm hiện diện trên các điểm bán, tăng doanh số bán hàng đối với các sản phẩm đã triển khai thành công tại điểm bán.
- ✓ Tận dụng và phát huy tối đa các công cụ đã được trang bị, các chính sách trong bán hàng nhằm quản lý tốt hơn và góp phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Có những giải pháp phù hợp để : Đưa hàng vào hệ thống siêu thị, hệ thống chuỗi nhà thuốc bán lẻ toàn quốc và các kênh bán hàng ONLINE, bán hàng qua các kênh thương mại điện tử

Hệ thống bán hàng kênh ETC:

- ✓ Tuyển dụng nhân sự có chất lượng, có thái độ nghiêm túc và mong muốn được làm việc, gắn bó với Doanh nghiệp.
- ✓ Giữ vững ổn định về mặt nhân sự, phát triển địa bàn sâu và xây dựng mối quan hệ tốt với các bệnh viện, các sở ban ngành. Kiện toàn một số tỉnh như Vĩnh Phúc, Thái nguyên ,Phú Thọ, Sơn la, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Hòa Bình và các tỉnh ở Miền Nam ,Miền Trung mà công ty chưa làm thấu.
- ✓ Lập kế hoạch xây dựng danh mục sản phẩm, số lượng dự thầu cụ thể đối với từng sản phẩm tại từng địa bàn có kế hoạch tổ chức đấu thầu trong năm 2025, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng về sản lượng và giá trị trúng thầu so với cùng kỳ năm trước. Trên cơ sở đó đề xuất giá chào thầu, theo dõi kết quả trúng thầu, xây dựng chính sách thầu (nếu có) và chỉ đạo, triển khai và bám sát bán hàng theo kết quả trúng thầu
- ✓ Tích cực triển khai đấu thầu đối với nhóm hàng sản xuất trên dây chuyền đạt chuẩn GMP EU trong năm 2025 và những năm tiếp theo.
- ✓ Tích cực triển khai và phát huy hiệu quả của công tác bán áp thầu cho các phòng khám có khám chữa bệnh bảo hiểm trên phạm vi toàn quốc.

Triển khai giới thiệu và bán các mặt hàng mới mà Hội đồng triển khai sản phẩm mới đã đăng kí và triển khai đưa ra thị trường những mặt hàng thay đổi lại mẫu mã, chất lượng.

Các chi nhánh phối hợp cùng phòng kinh doanh, phòng marketing xây dựng các chương trình khuyến mại sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng.

Khối kinh doanh và phòng marketing triển khai các hội thảo ,hội nghị khách hàng tại các tỉnh.

Khối kinh doanh phối hợp cùng các phòng ban (Marketing, Đảm bảo chất lượng,...) để đào tạo chuyên môn cho nhân sự Quản lý vùng, Trình dược viên , xây dựng mô hình làm theo nhóm, theo vùng trong năm 2025.

Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2025 là :476 tỷ đồng với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện khâu tổ chức sản xuất để cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024 vẫn là một năm khó khăn không chỉ riêng Công ty mà còn chung cho cả Ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài, bão hòa của thực phẩm bảo vệ sức khỏe, sự quản lý gắt gao nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên vật liệu Ngành Dược và đặc biệt là ảnh hưởng của hậu Covid – 19 vẫn còn kinh tế phục hồi chậm, chiến tranh giữa Nga và Ucraina kéo dài, xung đột kinh tế giữa Nga và Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ tại Trung Đông, Biển đỏ ... , lạm phát, giá cả tăng, kinh tế suy thoái kéo dài, các chuỗi cung ứng liên kết kinh tế bị đứt gãy, sản xuất kinh doanh bị đình trệ và suy thoái. Chúng ta đã vượt qua những khó khăn năm 2024 và đã đạt được những kết quả khả quan :

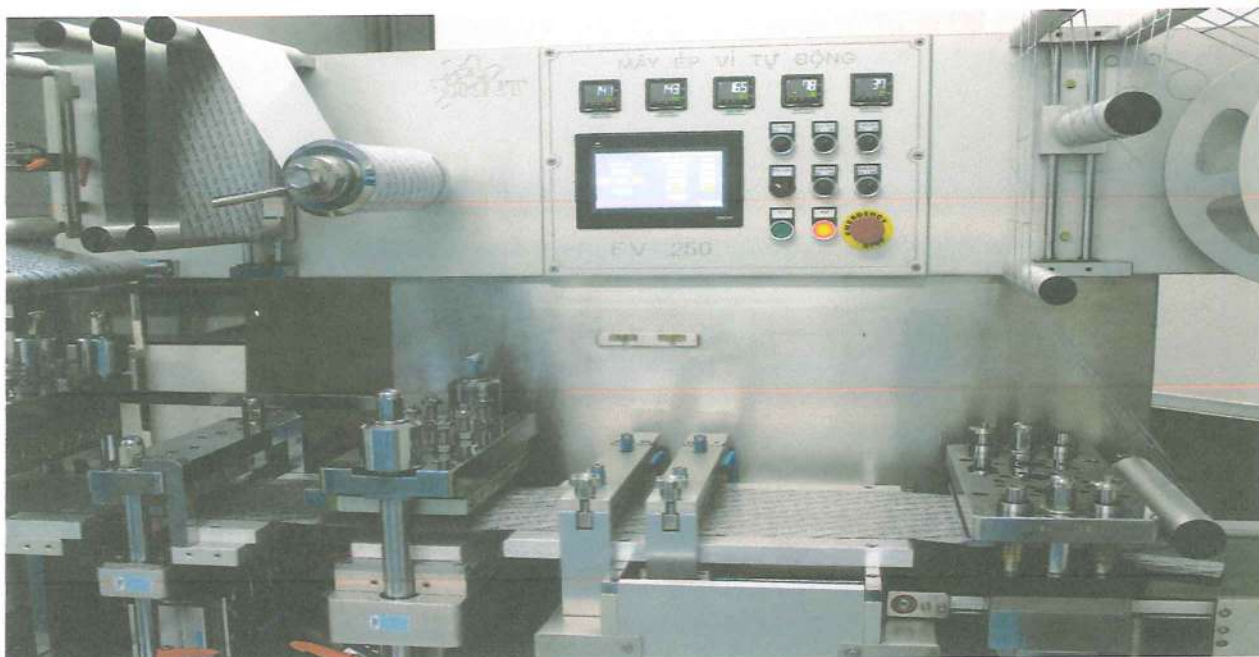
- Doanh thu thuần tăng 8,2% so với 2023.
- Lợi nhuận sau thuế tăng 28,9% vượt kế hoạch đại hội cổ đông năm 2024 đề ra 26,9%.
 - Doanh thu thuần 2024 tăng 8,2% so với 2023.
 - Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp tăng 28,9% so với năm 2023. So với kế hoạch 32 tỷ mà Đại hội cổ đông 2024 đã thông qua thì tăng 26,9% .
 - Giá trị sản lượng sản xuất tăng 5,09% so với năm 2023.
 - Sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có , việc làm và thu nhập của hơn 800 người lao động vẫn được duy trì và ổn định cụ thể

Công tác Dự án:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý, vốn và triển khai dự án giai đoạn 2 của nhà máy HDPHARMA EU : “Xây dựng dây chuyền sản

xuất thuốc tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh CEPHALOSPORIN đạt tiêu chuẩn EU- GMP” , tại Cẩm Thượng theo nghị quyết Đại hội cổ đông dự kiến sẽ hoàn thành công tác đầu tư về nhà xưởng và lắp đặt máy móc – thiết bị của 2 dây chuyền của dự án trong năm 2025.

Hình ảnh một số máy móc tiêu biểu với công nghệ tiên tiến



Máy đóng túi tiêu chuẩn EU



Máy đóng lọ thuốc nhỏ mắt tự động



Dây chuyền SX thuốc tiêm

CÁC KẾ HOẠCH - ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tầm nhìn và sứ mệnh

Phấn đấu trở thành biểu tượng và là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. HDPHARMA luôn cung cấp tổng chất lượng tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu về một cuộc sống khỏe mạnh của khách hàng.

2. Các mục tiêu

- Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP và ISO hiện hành.
- Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- Trong tương lai trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành của ngành dược phẩm Việt Nam.
- Cải tiến sản xuất, xây dựng hệ thống sản xuất thành sản xuất hiện đại.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng kênh OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước. Đưa mác hàng HDPHARMA và các mác hàng của công ty trở thành những thương hiệu trong các nhóm dẫn đầu
- Tăng tối đa thị phần của nhóm hàng sản xuất.

- Tăng tối đa độ phủ của nhóm hàng công ty tự sản xuất và phát triển thị phần.
- Xây dựng HDPHARMA thành công ty được quản lý theo tiêu chuẩn hiện đại, theo các qui trình, qui chuẩn nhất định.

- Phát triển nguồn nhân lực của công ty theo định hướng: khát vọng, hiện đại, nhiệt huyết, chuyên nghiệp.

- Liên doanh liên kết với các đối tác lớn trong ngành Dược để hợp tác sản xuất kinh doanh, trong đó có việc hợp tác xây dựng dây chuyền sản xuất chung.

3. Các cột trụ của chiến lược công ty

Chiến lược công ty được xây trên 3 hướng chính, 3 trụ cột:

3.1. Xây dựng hệ thống sản xuất hiện đại lấy chất lượng làm mục tiêu và tâm điểm là chuẩn EU-GMP;

- Dây chuyền key thay vì sản phẩm key;

- Phát triển khâu nghiên cứu phát triển, coi đó là yếu tố hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng;

- Chất lượng có vai trò then chốt trong sản xuất Dược vì: cơ quan quản lý sẽ tăng yêu cầu, thị trường đòi hỏi.

3.2. Xây dựng hệ thống kinh doanh chuyên nghiệp, hiện đại, rộng khắp toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài.

3.3. Thiết lập định hướng Marketing cho mọi hoạt động của Công ty.

4. Các kế hoạch cụ thể

- Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2025 là: **476 tỷ đồng** với chất lượng sản phẩm ổn định.

- Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2025 là : **830 tỷ đồng**.

- Đối với Nhà máy 1 (tại số 102 Chi Lăng): định hướng tiếp tục duy trì các dây chuyền sản xuất đến mức có thể, cho đến khi bắt buộc phải di dời theo chủ trương của Thành phố.

- Đối với Nhà máy HDPHARMA EU: Xây dựng giai đoạn 2 và giai đoạn 3 của dự án, cụ thể:

- + Hoàn thiện giai đoạn 2 của dự án gồm 02 dây chuyền: “Xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh CEPHALOSPORIN đạt tiêu chuẩn EU- GMP” trong năm 2025.

- + Tiếp tục triển khai ngay xây dựng giai đoạn 3 của Dự án gồm : Nhà văn phòng và các dây chuyền sản xuất còn lại tại toà nhà 4B, 4D theo qui hoạch được duyệt, dự kiến hoàn thành những nội dung cơ bản về nhà xưởng và nhà văn phòng trong 2 năm.

- Phát triển tối đa thế mạnh của dây chuyền đạt chuẩn EU GMP.

- Tăng cường công tác xuất khẩu.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của Tổng Giám Đốc về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hằng tháng và đột xuất của Hội đồng quản trị. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả nhất có thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các

định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024. Các chỉ tiêu : nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty. Năm 2024 hệ thống phân phối vẫn chưa hoàn thiện , sự ảnh hưởng của sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong ngành dược, kinh tế phục hồi sau đại dịch



Covid – 19 còn chậm , chiến tranh , xung đột lãnh thổ và kinh tế ... đã ảnh hưởng đáng kể làm cho năm 2024 các chỉ tiêu cơ bản : giá trị sản lượng sản xuất, doanh số

bán ra không hoàn thành kế hoạch đại hội đề ra.

Trong năm 2024 với tình hình kinh tế khó khăn, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để thực hiện các chiến lược của Đại hội nhiệm kỳ V đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, thích ứng an toàn trong điều kiện vừa sản xuất - kinh doanh trong khó khăn chung của nền kinh tế, phát huy tối đa năng lực sản xuất của công ty và kết quả là công ty vẫn duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, doanh thu thuần tăng 8,2%, Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 26,9% và tăng trưởng 28,9% so với năm 2023. Giá trị sản lượng sản xuất tăng 5,09% so với năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT
CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LƯƠNG,
THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	11.414.801 cổ phiếu
Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc	1.123.823 cổ phiếu
Trần Phúc Dương	Thành viên Hội đồng quản trị	1.135.030 cổ phiếu

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tên các tiểu ban	Nhiệm vụ	Đánh giá hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị
Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật	- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng khoa học kỹ thuật	- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Hội đồng quản trị về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng kiểm kê	- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng thanh lý	- Hội đồng giúp Hội đồng quản trị xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng An toàn lao động	- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.

Hội đồng nghiệm thu	- Tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
----------------------------	--	---

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 11 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; Phê duyệt các dự án đầu tư; Kế hoạch vay vốn ; Báo cáo tài chính hàng quý, năm; Kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	11	100%	
3	Ông Trần Phúc Dương	Thành viên Hội đồng quản trị	11	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	11	100%	

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2024:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	79 /BB-NQ/HĐQT	28/02/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua số liệu báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2023 - Thành lập Tiểu ban tổ chức đại hội cổ đông và chuẩn bị các văn kiện, thủ tục pháp lý theo Luật và Điều lệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhiệm kỳ V (2019-2024) dự kiến vào ngày 02 tháng 4 năm 2024. - Thông qua dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 để trình Đại Hội Cổ Đông năm 2024 thông qua. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. - Thẩm duyệt hồ sơ về thiết kế nhà xưởng, thiết kế công nghệ, Máy móc thiết bị sản xuất , làm thủ tục xin giấy phép xây dựng , chuẩn bị nguồn vốn để triển khai dự án Nhà máy HDPHARMA tại Cẩm Thượng giai đoạn 2: “Dây chuyền tân được GMP EU nhóm kháng sinh 	3/3

			Cephalosporin với các dạng bào chế : Viên, Bột”	
2	80/BB- NQ/HĐQT	10/03/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua số liệu báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán. - Thông qua các văn kiện, báo cáo trình đại hội và công tác tổ chức đại hội cổ đông năm 2024 	3/3
3	03+04/ NQ/HĐQT	02/04/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp Hội đồng quản trị phiên thứ nhất nhiệm kỳ 2024-2029 bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị . 	3/3
4	05+06/BB -NQ/HĐQT	4/4/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu thro Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2024 	3/3
5	07+08/BB -NQ/HĐQT	22/4/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ phiếu phát hành . ngày 10/5/2024 	3/3
6	09/BB- NQ/HĐQT	23/4/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. - Thông qua Báo cáo tài chính và Kết quả kinh doanh quý 1/2024. - Kiện toàn nhân sự lãnh đạo Chi nhánh Hồ Chí Minh . - Giao ban giám đốc thành lập Hội đồng thanh hủy tài liệu đã hết giá trị sử dụng và hết hạn lưu trữ theo Luật Kế toán. - Lựa chọn Ngân hàng cung cấp vốn trung dài hạn cho dự án giai đoạn 2 	3/3
7	10+11/BB -NQ/HĐQT	17/5/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn Ngân hàng BIDV cung cấp vốn trung dài hạn cho dự án xây dựng nhà máy HDPHARMA EU giai đoạn 2. - Hoàn thiện hồ sơ thiết kế, xin cấp phép xây dựng và Tổ chức đấu thầu cho gói thầu xây dựng nhà xưởng của dự án giai đoạn 2 	3/3
8	13+14/BB -NQ/HĐQT	03/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ từ 203.996.300.000đ lên 279.473.170.000đ , hình thức tăng vốn là phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Sửa đổi Mục 1, Phụ lục 1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty - Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ : 279.473.170.000đ - Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung đối với : 7.547.687 Cổ phiếu đã phát hành để tăng vốn. 	3/3

9	15+16/BB-NQ/HĐQT	05/6/2024	- Giải thể chi nhánh trực thuộc công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương tại huyện Kim Thành.	3/3
10	17/BB-NQ/HĐQT	06/6/2024	- Thông qua phương án nâng hạn mức vốn lưu động và hạn mức vay vốn trung hạn cho dự án nhà máy HDPHARMA giai đoạn 2.	3/3
11	18/BB-NQ/HĐQT	14/12/2024	- Thông qua phương án cấp hạn mức tín dụng vốn lưu động và các vấn đề liên quan đến nhận cấp hạn mức tín dụng từ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	3/3

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.

Năm 2024, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Thành viên của Hội đồng quản trị độc lập có Ông Trần Phúc Dương . Trong năm 2024 các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề phải thông qua Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Phạm Thị Thuý	Trưởng ban kiểm soát	237.085 cổ phiếu
Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	145.780 cổ phiếu
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	3.894 cổ phiếu

Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2024 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty.

Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2024

Trong năm 2024 Ban Kiểm Soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ.

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Tổng doanh thu: 668.056.188.242 đồng, đạt 84,56% so với kế hoạch, tăng 8,4% so với năm 2023. Tương đương số tiền : 51.805.172.382đ

+ Giá trị sản lượng sản xuất: 350.122.043.230 đồng; đạt 80,30% so với kế hoạch; tăng 5,09% so với năm 2023. Tương đương số tiền : 16.945.579.526đ

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt: 40.608.780.696 đồng; đạt 130,99% so với kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua. Tăng so với năm 2023 là : 9.094.710.767 đ, tốc độ tăng 28,85%.

- Năm 2024 lãi cơ bản/1 cổ phiếu là 1.453 đồng/1 cổ phiếu.

- Năm 2024 đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết đại hội cổ đông là 37% với số tiền là 75.476.870.000 đồng, tương đương 7.547.687 cổ phiếu, đồng thời đã thực hiện đăng ký lưu ký cho số cổ phiếu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.

- Năm 2024 đã thực hiện trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt theo Nghị quyết đại hội cổ đông là 3% , với số tiền: 6.119.889.000 đồng;

- Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Lựa chọn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị là 3% và Ban kiểm soát là 1% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đúng điều lệ và nghị quyết của đại hội cổ đông thông qua.
- Vốn điều lệ cuối năm 2024 là: 279.473.170.000 đồng, so với năm 2023 tăng 75.476.870.000 đồng, tương đương tăng 37%. Đây là kết quả của việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu là 37% theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2024 .
- Năm 2024 Công ty đang triển khai giai đoạn 02 của dự án Nhà máy HDPHARMA EU – Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương tại Cẩm Thượng : “Xây dựng 02 dây chuyền tân dược gồm Tiêm bột và Viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin, đạt tiêu chuẩn EU- GMP.” Dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2024		
		Thù lao thực hưởng	Lương thực hưởng	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị		1.094.509.500	538.650.220	1.633.159.720
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	364.836.500	106.020.000	470.856.500
Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên Hội đồng quản trị	364.836.500	432.630.220	797.466.720
Trần Phúc Dương	Ủy viên Hội đồng quản trị	364.836.500	0	364.836.500
Ban Kiểm Soát		364.018.500	694.978.805	1.058.997.305
Phạm Thị Thùy	Trưởng ban kiểm soát	121.339.500	243.932.110	365.271.610
Trần Kim Cương	Ủy viên Ban kiểm soát	121.339.500	181.986.264	303.325.764
Nguyễn Thị Hương Lan	Ủy viên Ban kiểm soát	121.339.500	269.060.431	390.399.931
Tổng cộng		1.458.528.000	1.233.629.025	2.692.157.025

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (thay đổi do phát hành cổ phiếu trả cổ tức + mua thêm cổ phiếu)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Nguyễn Trung Việt		8.331.972	40,84%	11.414.801	40,84%
Trần Mai Lan	Là vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.343.022	16,39%	4.579.940	16,39%
Nguyễn Thị Tú Anh		819.944	4,02%	1.123.823	4,02%
Vũ Văn Xuyên	Chồng Tổng Giám đốc	470.730	2,31%	639.900	2,29%
Vũ Hiền Minh Anh	Con gái Tổng Giám đốc	0	0,00%	13.300	0,05%

Nguyễn Trung Nam	Em trai Tổng Giám đốc	307.020	1,51%	420.617	1,51%
Trần Phúc Dương		828.494	4,06%	1.135.036	4,06%
Phạm Thị Thủy		56.712	0,28%	237.085	0,85%
Trần Khánh Huyền	Con gái Trưởng ban Kiểm soát	0	0,00%	9.900	0,04%
Phạm Thị Lan	Em gái Trưởng ban Kiểm soát	0	0,00%	4.943	0,02%
Trần Kim Cương		106.409	0,52%	145.780	0,52%
Trần Văn Oanh	Bố Ông Trần Kim Cương - TVBKS	200.555	0,98%	274.760	0,98%
Phạm Thị Nhạn	Mẹ đẻ Ông Trần Kim Cương	55.232	0,27%	75.667	0,27%
Trần Văn Minh	Em trai Ông Trần Kim Cương	27.614	0,13%	37.831	0,13%
Chu Văn Long		73.463	0,36%	100.644	0,36%
Hồ Thị Ngọc Thanh	Vợ Ông Chu Văn Long	49.164	0,24%	67.354	0,24%
Nguyễn Thị Hương Lan		6.638	0,03%	3.894	0,01%

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2024



THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương, các chính sách liên quan đến môi trường xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo thường được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của tổ chức sang kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm báo cáo thường niên tại thông tư 96/2020/TT- BTC của Bộ Tài chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2024, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 31/12/2024. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC , Thông tư 68/TT- BTC của Bộ Tài chính.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương, Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0220.3853.848

Fax: 0220.3853.848

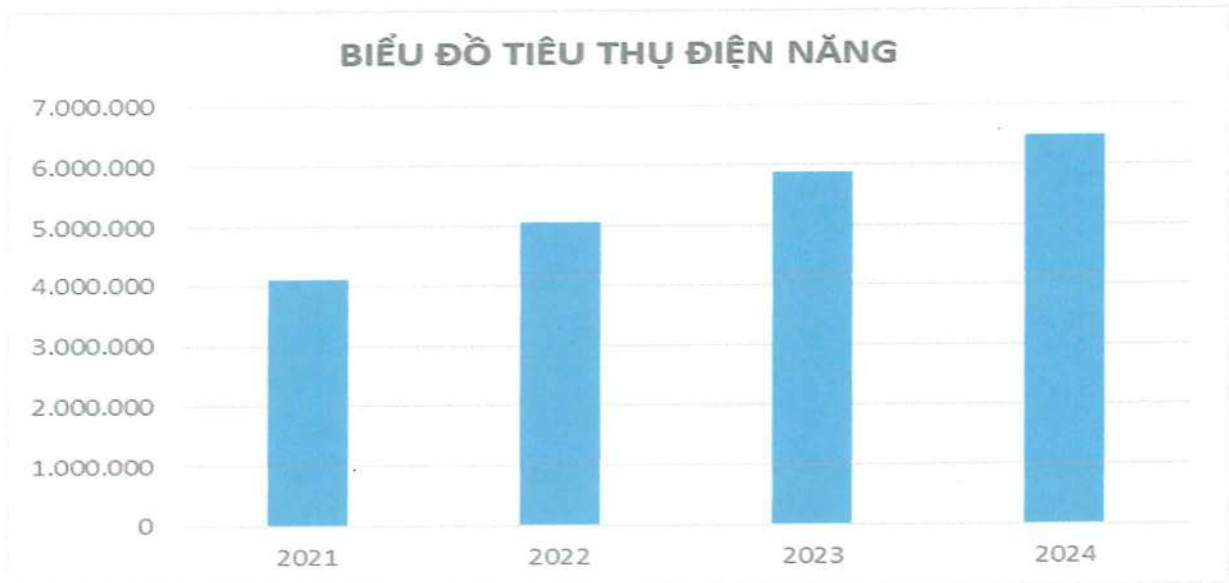
Email: info@hdpharma.vn

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô trong những năm gần đây dẫn đến việc mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Hiện Công ty sử dụng điện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên điện lực Hải Dương cung cấp. Sản lượng tiêu thụ qua các năm như bảng sau:

Năm	Số Kw
2021	4.107.854
2022	5.063.287
2023	5.873.822
2024	6.487.113



Cùng với đầu tư thêm máy móc thiết bị cho sản xuất và vận hành các dây chuyền hiện đại đã đầu tư, Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quản trị cho toàn thể Người lao động Công ty tự ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- ✓ Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- ✓ Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- ✓ Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- ✓ Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- ✓ Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước của Công ty được cung cấp bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nước sạch Hải Dương. Khối lượng nước tiêu thụ như bảng sau:

Sử dụng năm 2023		Sử dụng năm 2024	
Khối lượng (m3)	Chi phí (đồng)	Khối lượng (m3)	Chi phí (đồng)
91.735	1.330.157.500	93.555	1.356.547.500

Công ty vẫn luôn luôn chú trọng đến chính sách tiết kiệm nước và luôn luôn quán triệt cho toàn thể Người lao động Công ty tự ý thức việc sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện tiết kiệm tài nguyên nước tại cơ quan cũng như gia đình và ngoài xã hội.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng 2024 (người)	Tỷ trọng 2024 (%)
I	Theo trình độ lao động		
11	Trình độ Đại học và trên Đại học	255	30,50%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	498	59,57%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	42	5,02%
4	Lao động phổ thông	41	4,91%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	605	72,37%
2	Lao động gián tiếp	231	27,63%
III	Theo giới tính		
1	Nam	359	42,94%
2	Nữ	477	57,06%
IV	Theo chức vụ		
1	Quản lý	80	9,57%
2	Văn phòng + Khối kinh doanh	533	63,76%
3	Công nhân	223	27,66%



Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho Người lao động, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty là doanh nghiệp có trụ sở chính tại Tỉnh Hải Dương không phải tại Thành phố lớn hay Thành phố trực thuộc trung ương nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Người lao động làm việc tại Công ty được tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn thưởng thêm ngoài tiền lương cho người lao động vào các ngày Lễ, Tết; tặng tiền/ quà nhân ngày sinh nhật, hỗ trợ tiền điện thoại cho Cán bộ quản lý và cán bộ một số đơn vị; có chính sách hỗ trợ thêm đối với lao động nữ sinh con và nuôi con nhỏ (hỗ trợ tiền khi sinh con, giảm thời gian làm việc,...), khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...



Vào các dịp Lễ, công ty phối hợp với các đoàn thể khác tổ chức giải thể thao, văn hóa

văn nghệ, tổ chức tham quan du lịch cho Cán bộ công nhân viên; gặp mặt, khen thưởng cho con em Cán bộ công nhân viên có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày Tết Thiếu nhi, Trung thu, gặp mặt, giúp đỡ, động viên những Cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn,...\







Công tác đảm bảo an toàn

Thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động của Công ty, Hội đồng xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động cho từng năm, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đến từng tổ sản xuất, tham gia các lớp huấn luyện do Công ty và Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức. Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất. Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt.

Kho chứa, bình đựng được bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết kế thiết bị theo dõi nhiệt độ, báo cháy, bố trí mạng lưới đường ống dẫn nước phòng cháy đến tất cả các phân xưởng sản xuất, đặc các họng cứu hỏa tại các điểm gần khu sản xuất, nhà kho. Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy cho khu vực Công ty. Đội phòng cháy chữa cháy luôn được tập huấn theo định kỳ. Tất cả công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty luôn có phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an Tỉnh Hải Dương thẩm duyệt ngay từ khi xây dựng và đưa vào sử dụng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp trong khu vực nhà ở dọc theo các trục đường giao thông và hành lang công trình kết hợp bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bọt, đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi trong các công

trình



Duy trì hoạt động của Tổ quản lý môi trường

Tổ quản lý môi trường được thành lập với trách nhiệm quản lý môi trường chung trong toàn khu vực Công ty. Tổ quản lý môi trường có trách nhiệm điều tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ nhân viên trong Công ty giữ gìn vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát các nguy cơ gây sự cố môi trường. Lập kế hoạch tư vấn giám sát môi trường trong khu vực sản xuất cũng như các khu vực xung quanh theo định kỳ và chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường liên quan khác.

Hoạt động đào tạo

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu thực tế của các đơn vị, Công ty tổ chức đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn cho người lao động: Đào tạo về GMP, An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Hoạt động đào tạo nội bộ: do Cán bộ quản lý của Công ty trực tiếp giảng dạy.

Đối tượng là người lao động làm việc tại các phòng, ban, phân xưởng liên quan trực tiếp đến sản xuất.

- Công ty cử cán bộ tại các phòng/ban liên quan tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn sâu do các cơ quan, đơn vị cấp trên tổ chức trong nhiều lĩnh vực: kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng, công tác nghiên cứu, công tác kế toán, công tác tiền lương, nghiệp vụ bảo hiểm, an toàn lao động...

- Công ty mời các đơn vị về đào tạo cho cán bộ: các lớp đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

- ✓ Đóng góp từ thiện nhân đạo cho các tổ chức, đoàn thể xã hội như: Đoàn thanh niên, Liên đoàn lao động tỉnh Hải Dương.
- ✓ Ủng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
- ✓ Phối hợp cùng các đơn vị trong ngành Y tế Hải Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, Hỗ trợ các bệnh viện về các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc khám chữa bệnh,...
- ✓ Trích nộp các quỹ: Vì người nghèo, Quỹ chất độc da cam,... đầy đủ.
- ✓ Tham gia nhận và trợ cấp hàng tháng cho 02 cháu mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Phường Nguyễn Trãi Thành Phố Hải Dương đến khi 18 tuổi.
- ✓ Hỗ trợ cùng các cơ quan đề tài trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa abnf Thành phố Hải Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11-32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Mã số doanh nghiệp 0800011018, đăng ký lần đầu ngày 04/04/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07/06/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính

Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên
Ông Trần Phúc Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng
Ông Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh
Ông Chu Văn Long	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thùy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Trần Kim Cương	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương,
tỉnh Hải Dương

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024.

Hải Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2025

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

Số: 187 /BCKT-TC/AVA.NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương, được lập ngày 05/03/2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại ngày 31/12/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 06 tháng 03 năm 2024.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Đỗ Thị Duyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán số
3642-2021-126-1
Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Trần Mạnh Đức
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán số
4884-2024-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		341.148.607.589	266.604.877.103
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.419.168.182	25.418.100.057
1. Tiền	111		31.419.168.182	25.418.100.057
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.755.628.545	135.831.193.325
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	118.236.171.594	100.303.524.265
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	59.671.572.390	28.971.847.019
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.519.269.624	6.555.822.041
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(3.671.385.063)	-
III. Hàng tồn kho	140	V.6	127.909.053.084	104.353.518.072
1. Hàng tồn kho	141		127.909.053.084	104.353.518.072
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.064.757.778	1.002.065.649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	624.164.224	764.114.654
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		440.593.554	237.950.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		305.237.748.766	312.380.892.842
I. Tài sản cố định	220		277.938.572.145	294.215.719.104
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	259.687.221.789	275.964.368.748
- Nguyên giá	222		481.416.768.768	470.820.088.025
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(221.729.546.979)	(194.855.719.277)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	18.251.350.356	18.251.350.356
- Nguyên giá	228		25.557.287.846	25.557.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.305.937.490)	(7.305.937.490)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	24.432.507.459	10.635.029.498
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.432.507.459	10.635.029.498
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.866.669.162	7.530.144.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.866.669.162	7.530.144.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		646.386.356.355	578.985.769.945

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		192.127.190.710	158.850.659.496
I. Nợ ngắn hạn	310		186.108.895.749	156.619.610.736
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	63.913.046.095	47.347.613.820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	27.011.433.156	11.778.900.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.152.037.955	2.550.168.386
4. Phải trả người lao động	314		4.869.401.998	1.111.462.920
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	428.162.066	474.547.567
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	3.201.934.270	836.867.098
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.182.181.347	5.000.401.347
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	65.925.328.072	80.569.098.470
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.425.370.790	6.950.551.124
II. Nợ dài hạn	330		6.018.294.961	2.231.048.760
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	6.002.713.990	2.205.871.533
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		15.580.971	25.177.227
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		454.259.165.645	420.135.110.449
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	454.259.165.645	420.135.110.449
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		279.473.170.000	203.996.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		279.473.170.000	203.996.300.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.594.214.888	174.594.214.888
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.191.780.757	41.544.595.561
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.870.172.861	10.268.002.632
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.321.607.896	31.276.592.929
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		646.386.356.355	578.985.769.945

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	668.056.188.242	616.251.015.860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.054.479.448	1.508.279.922
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		665.001.708.794	614.742.735.938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	454.770.265.987	426.688.430.719
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		210.231.442.807	188.054.305.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	633.188.787	426.708.493
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.255.488.148	8.539.743.135
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.218.208.599</i>	<i>5.492.844.385</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	74.149.536.551	68.644.819.855
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	81.814.791.647	72.660.901.541
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		48.644.815.248	38.635.549.181
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.152.468.731	892.870.536
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.775.306	36.500.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.143.693.425	856.370.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		50.788.508.673	39.491.919.717
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	10.179.727.977	7.977.849.788
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		40.608.780.696	31.514.069.929
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	1.453	1.128
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.11	1.453	1.128

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.788.508.673	39.491.919.717
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.261.433.809	23.108.369.633
- Các khoản dự phòng	03		3.671.385.063	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(50.857.754)	2.058.882
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(128.994.168)	(31.000.434)
- Chi phí lãi vay	06		3.218.208.599	5.492.844.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.759.684.222	68.064.192.183
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.775.880.044)	(23.620.228.389)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.555.535.012)	6.809.281.845
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		40.089.010.412	(31.871.696.087)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.803.425.508	619.874.862
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.218.208.599)	(5.492.844.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.592.091.588)	(8.697.509.222)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(525.180.334)	(209.362.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.985.224.565	5.601.708.807
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.268.805.054)	(21.181.774.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		181.809.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		29.742.305	31.000.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.057.253.658)	(21.150.773.929)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		152.833.226.632	187.606.060.837
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(163.680.154.573)	(180.002.508.010)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.119.889.000)	(5.999.914.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.966.816.941)	1.603.638.827
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.961.153.966	(13.945.426.295)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.418.100.057	39.364.911.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		39.914.159	(1.385.531)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		31.419.168.182	25.418.100.057

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2024

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Mã số doanh nghiệp 0800011018, đăng ký lần đầu ngày 04/04/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07/06/2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty: 279.473.170.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 27.947.317 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, dược liệu, hóa chất và tinh dầu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất dùng cho bệnh viện;
- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Trồng cây dược liệu; Chăn nuôi khác. Chăn nuôi tắc kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý. Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi;
- Khách sạn; Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn bia, rượu, nước giải khát;
- Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, phần lớn khối văn phòng và khối sản xuất của Công ty được đặt tại địa chỉ số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty có 9 chi nhánh trực thuộc trong và ngoài tỉnh:

- | | |
|-------------------------|------------------------------------|
| 1. Chi nhánh Cẩm Giàng | 6. Chi nhánh Miền Trung |
| 2. Chi nhánh Hà Nội | 7. Chi nhánh Tứ Kỳ |
| 3. Chi nhánh Thanh Miện | 8. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4. Chi nhánh Ninh Giang | 9. Chi nhánh Hải Dương 1 |
| 5. Chi nhánh Cần Thơ | |

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 696 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2024, có 706 cán bộ nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

- NVL nhập theo lô thì giá xuất tính đích danh cho từng lô tương ứng.
- NVL (gồm toa, hòm, hộp...) không đi theo lô thì giá xuất tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Thành phẩm gia công, thành phẩm xuất khẩu theo phương pháp giá đích danh (xuất bán lô nào sẽ tính theo đúng giá lô đó)
- Thành phẩm sản xuất kho phòng kinh doanh, hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo từng lệnh sản xuất chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ, giá trị tính theo từng lô đưa vào sản xuất

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn
- Phần mềm quản lý	03 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ có giá trị đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

22.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

22.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc, Hội đồng Quản trị của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	2.584.400.686	10.799.055.780
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.834.767.496	14.619.044.277
	31.419.168.182	25.418.100.057

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Trung tâm Y tế Huyện Nam Sách	7.382.561.150	5.418.561.818
KARUNA PHARMA CO,LTD	6.520.562.745	2.369.396.748
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	5.911.196.600	2.536.629.595
Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	4.355.255.977	4.125.665.085
Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà	3.272.031.580	742.220.098
Công ty cổ phần dược phẩm trung ương CPC1-Chi nhánh Nghệ An	2.726.205.469	1.631.422.453
Trung tâm y tế huyện Bình Giang	2.482.472.650	1.139.115.486
Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng	2.414.932.106	128.550.200
Trung tâm y tế thị xã Kinh Môn	2.321.903.139	207.654.795
Công ty TNHH Golden Health USA (KH)	2.259.924.512	5.024.803.616
Khách hàng khác	78.589.125.666	76.979.504.371
	118.236.171.594	100.303.524.265

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
IMA Pacific Company Limited	21.242.959.500	21.242.959.500
ALEXANDERWERK GMBH	4.082.243.787	4.082.243.787
GEA Process Engineering (India) Pvt Ltd (Unit II, 100% EOU)	5.925.729.471	1.008.706.041
Truking Watertown Pharmaceutical Equipment Co., Ltd	4.155.102.900	-
Công ty Cổ phần xây dựng Alphaco Hà Nội	5.855.966.623	-
Công ty TNHH cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	10.398.888.889	-
Người bán khác	8.010.681.220	2.637.937.691
	59.671.572.390	28.971.847.019

4. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các bên khác				
Tạm ứng cho nhân viên	499.614.849	-	529.296.961	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn khác	68.450.775	-	76.524.580	-
Phải thu khác	51.204.000	-	50.000.500	-
Bên liên quan				
Ông Nguyễn Trung Việt	5.900.000.000	-	5.900.000.000	-
	6.519.269.624	-	6.555.822.041	-

5. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trang Minh	49.439.590	-	-	-
Công ty cổ phần dược phẩm Linh Sơn -Nghệ An	160.548.293	-	-	-
Công ty Cổ Phần Dược phẩm Thái Tiến	339.120.218	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dược - Thiết bị Y Tế Tri Đức	191.784.964	-	-	-
Công ty TNHH TM Dược Phẩm Nhật Quang (Việt Trì)	418.102.630	-	-	-
Công ty TNHH MTV dược phẩm OPM	1.147.705.903	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Dược phẩm	184.939.112	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế Tâm	186.592.364	-	-	-
Công ty Cổ Phần T.H.I	74.588.048	-	-	-
Công ty CP Dược Trường Xuân	78.056.427	-	-	-
Công ty CP Đầu Tư & Thương Mại Arenphar	16.496.548	-	-	-
Công ty CP Dược Công nghệ Sinh học Biofocus	43.688.992	-	-	-
Công ty Cổ phần HAPHARMA	280.090.264	-	-	-
Công ty CP Đông Y Dược Nam Lạng	121.888.331	-	-	-
Trần Mạnh Tình	378.343.379	-	-	-
	3.671.385.063	-	-	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	54.200.285.889	-	43.389.626.677	-
Chi phí SXKD dở dang	15.202.316.672	-	5.077.165.902	-
Thành phẩm	52.911.355.963	-	47.565.868.057	-
Hàng hóa	5.595.094.560	-	8.320.857.436	-
	127.909.053.084	-	104.353.518.072	-

7. Chi phí trả trước	31/12/2024	01/01/2024
7.1. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	624.164.224	764.114.654
	624.164.224	764.114.654
7.2. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.866.669.162	4.337.834.122
Chi phí tư vấn GMP WHO và GMP EU Nhà máy Cẩm Thượng	-	3.192.310.118
	2.866.669.162	7.530.144.240

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Phụ lục số 01

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền thuê đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2024	20.651.287.846	-	4.906.000.000	25.557.287.846
Số dư 31/12/2024	20.651.287.846	-	4.906.000.000	25.557.287.846
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2024	2.399.937.490	-	4.906.000.000	7.305.937.490
Số dư 31/12/2024	2.399.937.490	-	4.906.000.000	7.305.937.490
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	18.251.350.356	-	-	18.251.350.356
Tại ngày 31/12/2024	18.251.350.356	-	-	18.251.350.356

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 7.305.937.490

10. Tài sản dở dang dài hạn

10.1 Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2024	01/01/2024
Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí TV tiêu chuẩn EU GMP của DA nhà máy Cẩm Thượng GĐ 2	5.921.925.093	4.379.453.300
Chi phí tư vấn + thiết kế và ĐTXD Dây chuyền Cepharlosprorin GMPEU - Dự án GĐ2	12.855.006.168	600.000.000
Giá trị quyền sử dụng đất L09-54, L09-53 Tại Cần Thơ	5.655.576.198	5.655.576.198
	24.432.507.459	10.635.029.498

11. Phải trả người bán

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vạn Xuân	3.011.560.416	3.011.560.416
Công ty Cổ phần hóa dược quốc tế Hà Nội	3.087.099.550	2.262.203.250
Công ty TNHH Đắc Hà	732.231.502	2.022.065.505
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	3.882.712.100	1.610.720.922
Công ty cổ phần Thủy Tinh Hưng Phú	1.610.031.600	1.445.850.000
Công ty cổ phần trang thiết bị Y tế Dược phẩm Hoàng Ngọc	3.552.853.700	1.427.078.125
Công ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Đông Âu	2.723.748.331	1.371.194.437
Công Ty TNHH Sản xuất Bao Bì Và Thương Mại Đức Thành	2.211.927.198	1.199.184.480
SINOBRIGHT PHARMA CO., LIMITED	-	1.157.034.000
Hợp tác xã Thủy Tinh Hồng Quang	445.448.465	1.125.388.697
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	2.778.300.000	-
Khách hàng khác	39.877.133.233	30.715.333.988
	63.913.046.095	47.347.613.820

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	Ngắn hạn	
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hà Minh	3.682.738.650	389.063.650
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoàng Giang	4.944.077	-
Summer Jordan for Storage & General Trading	1.510.800.000	-
Al Safwa Scientific Bureau	-	1.626.559.233
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm IPP	1.462.230.000	242.865.000
Công ty TNHH SOLPHARMA	942.400.983	-
Công ty TNHH Dược và Vật tư y tế DG	535.000.000	-
Công ty Cổ phần World Roche (Bayer World)...	1.111.055.600	508.100.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ 2B	526.757.246	712.988.629
Công ty Cổ phần Dược phẩm Santa Việt Nam	1.398.337.500	40.625.000
Summer Jordan for Storage & General Trading	1.510.800.000	-
Surecare For Pharmaceuticals & Medicals Supplies	1.159.681.861	-
Khách hàng khác	13.166.687.239	8.258.698.492
	27.011.433.156	11.778.900.004

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	31/12/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực	01/01/2024
			nộp/khấu trừ trong kỳ	
Thuế GTGT phải nộp	-	44.491.875.128	44.492.313.788	438.660
Thuế xuất, nhập khẩu	-	148.687.825	148.687.825	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.302.229.077	10.179.727.977	5.714.934.371	1.837.435.471
Thuế thu nhập cá nhân	849.808.878	2.642.266.500	2.504.751.877	712.294.255
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.192.134.904	1.192.134.904	-
Các loại thuế khác	-	294.756.596	294.756.596	-
	7.152.037.955	58.949.448.930	54.347.579.361	2.550.168.386

Trong đó: **Số thuế TNDN thực nộp trong kỳ** **5.592.091.588**
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

		31/12/2024	01/01/2024		
14.	Chi phí phải trả				
	Ngắn hạn				
	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký	356.580.162		237.937.963	
	Chi phí phải trả khác	71.581.904		236.609.604	
		428.162.066		474.547.567	
15.	Doanh thu chưa thực hiện				
	Ngắn hạn				
	Doanh thu nhận trước cho dịch vụ đăng kí sản phẩm	2.876.270.633		575.276.189	
	Cho thuê nhà, mặt bằng	325.663.637		261.590.909	
		3.201.934.270		836.867.098	
16.	Phải trả khác				
	Ngắn hạn				
	Các bên khác				
	Phải trả phải nộp khác (KH gia công đặt tiền đăng ký sp trong và ngoài nước đang trong quá trình thực hiện chưa quyết toán):	7.182.181.347		5.000.401.347	
	<i>Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm IPP</i>	4.621.673.047		1.780.000.000	
	<i>Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Green Việt Nam</i>	495.000.000		95.000.000	
	<i>Công ty Cổ phần thương mại Dược phẩm Alpha Pháp</i>	200.000.000		300.000.000	
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Santa Việt Nam</i>	250.000.000		300.000.000	
	<i>Khách hàng khác</i>	1.615.508.300		2.525.401.347	
		7.182.181.347		5.000.401.347	
17.	Vay và nợ thuê tài chính				
	17.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
		Giá trị và số có khả năng trả nợ			
		31/12/2024	Tăng	Giảm	
				01/01/2024	
	Ngân hàng	65.644.328.072	148.984.123.275	163.527.893.673	80.188.098.470
	Ngân hàng TMCP Công thương Hải Dương (i)	33.173.798.296	59.786.174.118	45.766.069.301	19.153.693.479
	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (ii)	16.008.445.612	35.810.895.553	37.575.926.845	17.773.476.904
	Ngân hàng BIDV Chi nhánh Trần Hưng Đạo (iii)	16.462.084.164	53.387.053.604	80.185.897.527	43.260.928.087
	Tổ chức, cá nhân	281.000.000	-	100.000.000	381.000.000
	Vay cán bộ nhân viên	281.000.000	-	100.000.000	381.000.000
		65.925.328.072	148.984.123.275	163.627.893.673	80.569.098.470

17.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			01/01/2024
	31/12/2024	Tăng	Giảm	
Tổ chức, cá nhân	2.153.610.633	-	52.260.900	2.205.871.533
Vay cán bộ nhân viên (iiii)	2.153.610.633	-	52.260.900	2.205.871.533
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hải Dương - PGD Trần Hưng Đạo (iiiiii)	3.849.103.357	3.849.103.357	-	-
	6.002.713.990	3.849.103.357	52.260.900	2.205.871.533
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	-			-
Vay và nợ thuê TC DH	6.002.713.990			2.205.871.533

Thông tin liên quan đến khoản vay tại 31/12/2024

(i) Hợp đồng cho vay hạn mức số 02.10/2023-HĐCVHM/NHCT340-DUOCVTYT ngày 18/10/2023; Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư thiết bị y tế. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay được quy định trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16.09/CNHD9/2016/HĐTC/DUOC-VTYT ngày 19/09/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo.

- Văn bản sửa đổi bổ sung số 02.10/2023-HĐCVHM/NHCT340-DUOCVTYT/SĐBS01 ký ngày 16/10/2024 gia hạn Thời hạn của Hợp đồng tín dụng số 02.10/2023-HĐCVHM/NHCT340-DUOCVTYT/SĐBS01 ký ngày 16/10/2024: từ ngày 16/10/2024 đến hết ngày 05/01/2025 với hạn mức và mục đích giống Hợp đồng cũ.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 1030372.24 ngày 05/11/2024; Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích: đáp ứng nhu cầu về mua hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm vật tư và thiết bị y tế theo đăng ký kinh doanh. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các khách hàng trong danh sách được nêu trong hợp đồng tín dụng này.

(iii)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/222776/HĐTD ngày 27/04/2023; Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay được quy định trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hệ thống máy móc thiết bị ngành y tế và Tài sản gắn liền với đất của công ty. Văn bản sửa đổi bổ sung số 01.01/2023/222776/HĐTD ký ngày 26/4/2024 gia hạn Thời hạn của Hợp đồng tín dụng số 01/2023/222776/HĐTD ký ngày 26/4/2023: từ ngày 26/04/2024 đến hết ngày 27/07/2024 với hạn mức và mục đích giống Hợp đồng cũ. Khoản vay đã được tất toán trong kỳ

- Hợp đồng tín dụng số 02/2024/222776 ngày 04/09/2024; Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay được quy định trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hệ thống máy móc thiết bị ngành y tế và Tài sản gắn liền với đất của công ty. Thời hạn duy trì hạn mức: 04/09/2024 đến ngày 04/09/2025.

(iiii) Bao gồm các hợp đồng vay cán bộ công nhân viên có thời hạn trên 12 tháng, lãi suất 6 tháng đầu năm 2024 là 5,5%/năm, lãi suất 6 tháng cuối năm 2024 là 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

(iiii) Các khoản vay thanh toán cho khách hàng từ Hợp đồng tín dụng số 01/2024/222776/HĐTD ngày 04/09/2024; số tiền rút vốn: 3.849.103.357 VND để thanh toán cho hai hợp đồng gồm: 15% giá trị theo hợp đồng số 2752/HĐTC/DHD-PCCC_PC và thanh toán lần 2 theo hợp đồng số 06/2024/HĐTC/DHD-ALPHACO nhà 4C Cẩm Thượng.

18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
Phụ lục số 02

18.2. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận năm trước chuyển sang	41.544.595.561	41.614.637.708
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm	40.608.780.696	31.514.069.929
Tăng, giảm () khác	(364.836.500)	(305.748.076)
Phân phối lợi nhuận năm trước, trong đó:	(31.596.759.000)	(31.278.364.000)
Tăng vốn chủ sở hữu	(25.476.870.000)	(25.278.450.000)
Trả cổ tức	(6.119.889.000)	(5.999.914.000)
Trích quỹ	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	50.191.780.757	41.544.595.561

18.3. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Vốn góp của các cổ đông	100,00	279.473.170.000	100,00	203.996.300.000
	100,00	279.473.170.000	100,00	203.996.300.000

18.4. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	203.996.300.000	149.997.850.000
Vốn góp tăng trong kỳ	75.476.870.000	53.998.450.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	279.473.170.000	203.996.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	Năm 2024	Năm 2023
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(6.119.889.000)	(5.999.914.000)

18.5. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.947.317	20.399.630
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	27.947.317	20.399.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	27.947.317	20.399.630
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển	124.594.214.888	174.594.214.888

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền USD	154.688,59	54.244,08
Tiền EUR	4.001,43	8.018,02

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	657.352.412.747	603.985.385.248
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.703.775.495	12.265.630.612
	668.056.188.242	616.251.015.860

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Chiết khấu thương mại	1.195.909.160	59.657.231
Giảm giá hàng bán	272.692.714	12.906.242
Hàng bán bị trả lại	1.585.877.574	1.435.716.449
	3.054.479.448	1.508.279.922

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hàng bán	454.770.265.987	426.688.430.719
	454.770.265.987	426.688.430.719

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.742.305	31.000.434
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	552.588.728	395.708.059
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	50.857.754	-
	633.188.787	426.708.493

5. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	3.218.208.599	5.492.844.385
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.191.588.287	1.111.865.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.845.691.262	1.887.034.253
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	47.999.296
	6.255.488.148	8.539.743.135

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	52.045.545.103	46.465.664.494
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.691.974.910	2.750.758.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.574.276.539	6.110.086.762
Chi phí khác bằng tiền	12.837.739.999	13.318.309.970
	74.149.536.551	68.644.819.855
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	37.682.808.567	33.589.965.013
Chi phí vật liệu quản lý	5.678.635.404	4.332.767.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.374.140.857	5.292.679.702
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.937.453.862	5.434.458.746
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	1.194.703.208	1.369.185.305
Chi phí sửa chữa TSCĐ	7.639.626.005	3.122.983.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.907.544.016	6.095.560.303
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	3.671.385.063	-
Chi phí bằng tiền khác	11.728.494.665	13.423.301.110
	81.814.791.647	72.660.901.541

7. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	99.251.863	-
<i>Thu</i>	181.809.091	-
<i>GTCL</i>	82.557.228	-
Các khoản khác	2.053.216.868	892.870.536
	2.152.468.731	892.870.536

8. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	8.775.306	36.500.000
	8.775.306	36.500.000

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.627.947.622	257.611.227.414
Chi phí nhân công	123.221.929.065	110.933.524.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.261.433.809	23.108.369.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.191.441.087	36.424.338.305
Chi phí khác bằng tiền	47.124.725.201	40.859.227.449
	516.427.476.784	468.936.687.279

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
[Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN]	50.788.508.673	39.491.919.717
Các khoản điều chỉnh tăng	187.718.967	693.601.709
Khoản chi không hợp lệ	-	-
<i>Các chi phí khác không được trừ (xóa công nợ phải thu khó đòi)</i>	178.943.661	-
<i>Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế</i>	8.775.306	36.500.000
<i>Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá TSCĐ vượt trên 1,6 tỷ đồng</i>		432.882.742
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ</i>		1.385.531
Các khoản điều chỉnh giảm ()	(77.587.754)	(73.439.052)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-
<i>Lãi CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu</i>	(77.587.754)	(73.439.052)
Thu nhập chịu thuế TNDN]	50.898.639.886	39.889.248.938
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	10.179.727.977	7.977.849.788
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.179.727.977	7.977.849.788

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
		Trình bày lại
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.608.780.696	31.514.069.929
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.608.780.696	31.514.069.929
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.947.317	27.947.317
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.453	1.128

Năm 2024, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ Quỹ Đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 1.545 VND xuống còn 1128 VND.

VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Cá nhân liên quan thành viên quản lý chủ chốt

2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

<u>Nội dung/ Bên liên quan</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Chi trả cổ tức đợt 1 cho cổ phiếu chưa đăng ký lưu ký		
Ông Nguyễn Trung Việt (Chủ tịch HĐQT)	2.499.591.600	-
Bà Nguyễn Mai Lan (Vợ ông Nguyễn Trung Việt)	1.002.906.000	-

2.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

2.4. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

<u>TT</u>	<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
1	Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	470.856.500	411.210.500
2	Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	364.836.500	305.748.076
3	Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	797.466.720	746.825.614
4	Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng	447.057.087	442.192.052
5	Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh	584.380.363	514.868.385
6	Phạm Thị Thùy	Trưởng ban kiểm soát	365.271.610	499.067.847
7	Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	303.325.764	282.650.857
8	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	390.399.931	336.957.082
	Cộng		3.723.594.475	3.539.520.413

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tín Học MOORE AISIC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng



Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

Phụ lục số 01

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2024	170.357.513.659	277.252.709.073	20.264.529.754	2.945.335.539	470.820.088.025
Mua trong năm	-	7.371.479.492	-	-	7.371.479.492
ĐT XDCB hoàn thành	2.376.169.830	1.328.791.012	-	-	3.704.960.842
Thanh lý, nhượng bán	-	(479.759.591)	-	-	(479.759.591)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2024	172.733.683.489	285.473.219.986	20.264.529.754	2.945.335.539	481.416.768.768
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2024	52.539.320.935	120.879.360.976	18.550.444.108	2.886.593.258	194.855.719.277
Khấu hao trong năm	4.736.250.978	21.882.909.627	626.102.184	25.767.276	27.271.030.065
Thanh lý, nhượng bán	-	(397.202.363)	-	-	(397.202.363)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2024	57.275.571.913	142.365.068.240	19.176.546.292	2.912.360.534	221.729.546.979
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	117.818.192.724	156.373.348.097	1.714.085.646	58.742.281	275.964.368.748
Tại ngày 31/12/2024	115.458.111.576	143.108.151.746	1.087.983.462	32.975.005	259.687.221.789

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

120.075.720.245

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2024 hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ;

2.473.297.526

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

-

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

-

Phụ lục số 02

18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2023	149.997.850.000	28.720.000.000	174.594.214.888	41.614.637.708	394.926.702.596
Tăng vốn trong kỳ	53.998.450.000	(28.720.000.000)	-	(25.278.450.000)	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	31.514.069.929	31.514.069.929
Chia cổ tức	-	-	-	(5.999.914.000)	(5.999.914.000)
Giảm khác	-	-	-	(305.748.076)	(305.748.076)
Số dư 31/12/2023	203.996.300.000	-	174.594.214.888	41.544.595.561	420.135.110.449
Số dư 01/01/2024	203.996.300.000	-	174.594.214.888	41.544.595.561	420.135.110.449
Tăng vốn trong kỳ (i)	75.476.870.000	-	(50.000.000.000)	(25.476.870.000)	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	40.608.780.696	40.608.780.696
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(6.119.889.000)	(6.119.889.000)
Giảm khác	-	-	-	(364.836.500)	(364.836.500)
Số dư 31/12/2024	279.473.170.000	-	124.594.214.888	50.191.780.757	454.259.165.645

(i) Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu từ Quỹ Đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 100:37 (người sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 37 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHCD-DHD ngày 02/4/2024. Cụ thể như sau

- Quỹ Đầu tư phát triển:	50.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	25.476.870.000 đồng
Tổng cộng	75.476.870.000

Công ty đã hoàn tất việc thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung theo quyết định số 137/2010/GCNCP-VSDC-8 ngày 10/06/2024 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung là 7.547.687 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung (theo mệnh giá): 75.476.870.000 đồng.

(ii) Chi trả cổ tức đợt 1 cho Cổ phiếu chưa Đăng ký lưu ký bằng tiền từ lợi nhuận năm 2023 (tỷ lệ 3%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHCD-DHD ngày 02/4/2024.